

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP -
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2021

Quảng Ninh, tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

- 1 Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp
- 2 Thông tin khái quát về Khoa/Đơn vị phụ trách chương trình đào tạo
- 3 Thông tin về Chương trình đào tạo

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Tổng quan chung

- 1.1 Căn cứ tự đánh giá
- 1.2 Mục đích tự đánh giá
- 1.3 Yêu cầu tự đánh giá
- 1.4 Phương pháp tự đánh giá
- 1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

2 Tự đánh giá

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

- 2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính
- 2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo
- 2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
- 2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình
- 2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện
- 2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học
- 2.2.7 Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo)
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
3. Bảng mã minh chứng³

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. BGH : Ban Giám hiệu
2. BLĐTB&XH : Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
3. TCDN : Tổng cục Dạy nghề
4. CNTT : Công nghệ thông tin
5. KĐCL : Kiểm định chất lượng
6. GDNN : Giáo dục nghề nghiệp
7. UBND : Ủy ban nhân dân
8. DN : Doanh nghiệp
9. CNVC : Công nhân viên chức
10. CTĐT : Chương trình đào tạo
11. CN& XD : Công nghiệp & Xây dựng
12. HSSV : Học sinh, sinh viên
13. NCKH : Nghiên cứu khoa học
14. TDTT : Thể dục thể thao
15. MH/MĐ : Môn học/mô đun

PHẦN I
GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP,
KHOA PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin khái quát về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- 1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG.
- 1.2. Tên Tiếng Anh: VOCATIONAL COLLEGE OF CONTRUCTION.
- 1.3. Mã trường: XD 05
- 1.4. Tên trước đây: TRƯỜNG TRUNG CẤP XÂY DỰNG
- 1.5. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Xây dựng - Số 37 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội.
- 1.6. Địa chỉ trường: Số 206 Đường Bạch Đằng – Nam Khê – Uông Bí – Quảng Ninh.
- 1.7. Số điện thoại liên hệ: 0203.3 850.373 - Số Fax: 0203.3 850.755
- 1.8. Email: caodangnghexaydung@gmail.com
- 1.9. Website: <http://caodangnghexaydung.edu.vn/>
- 1.10. Năm thành lập trường:
 - Năm thành lập đầu tiên (theo quyết định thành lập): thành lập theo Quyết định số 932/BKT ngày 28/6/1973 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) tiền thân là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty Kiến trúc Uông Bí.
 - Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: 2015.
- 1.11. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Tháng 10/1973
- 1.12. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất: năm 1974
- 1.13. Loại hình trường đào tạo: Công lập: Tư thục:
- 1.14. ***Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.***

1.14.1. Lịch sử phát triển nhà trường

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng. Tiền thân của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty Kiến trúc Uông Bí được thành lập theo Quyết định số 932/BKT ngày 28/6/1973 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng). Ngày 11/7/2006 theo Quyết định 1025/QĐ- BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trường đào tạo công nhân kỹ thuật được nâng cấp thành Trường Trung cấp Xây dựng. Ngày 25 tháng 6 năm 2015 theo Quyết định số 884/QĐ-BLĐT BXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt thành lập Trường Cao đẳng Nghề Xây dựng.

Nhà trường được đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp các chuyên ngành về lĩnh vực Xây dựng, Cơ khí Xây dựng, Cốt thép hàn, Điện Công nghiệp, Điện Dân dụng.

Trụ sở chính của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nằm trên địa bàn Phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nằm trong vùng Đông Bắc của Tổ Quốc, có giao thông đi lại thuận lợi là vùng tam giác giao thông kinh tế giữa: Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, vùng có sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao, nhà trường được Bộ Xây dựng quan tâm đưa vào là một trong những trường trọng điểm khu vực Đông Bắc trong mạng lưới các trường của Bộ Xây dựng.

Với truyền thống hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo Công nhân kỹ thuật, đã xây dựng được đội ngũ giáo viên

đoàn kết một lòng, có kiến thức, có tay nghề cao, luôn luôn đổi mới và tâm huyết với nghề. Đã đào tạo được nhiều thế hệ học sinh với những kiến thức và kỹ năng cần thiết để khẳng định được mình. Nhiều thế hệ cán bộ kỹ thuật viên, công nhân đã và đang làm việc ở các ban quản lý dự án, doanh nghiệp, các công trình trọng điểm, khu công nghiệp như: Công trình Thủy điện Trị An, Thủy điện Sơn La, nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất, Nhiệt điện Mông Dương...

1.14.2. Chức năng nhiệm vụ của Nhà trường

*** Chức năng**

Trường thực hiện các chức năng: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các bậc thấp hơn trong lĩnh vực xây dựng và các ngành nghề khác; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; triển khai áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

*** Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp và quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Nhà nước và Bộ Xây dựng.

2. Đào tạo, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông và đào tạo bồi dưỡng

a. Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên các ngành nghề được phép đào tạo. Sau khi học xong người học có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước; có khả năng hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp; tự tạo được việc làm cho mình và cho xã hội.

b. Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được phép đào tạo.

c. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh các hệ đào tạo.

d. Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo.

đ. Tổ chức liên kết đào tạo, đào tạo liên thông ở các cấp trình độ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo quy định của Luật GDNN.

e. Đăng ký, tổ chức triển khai kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và chịu sự quản lý chất lượng của cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Nghiên cứu khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế

a. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học- công nghệ, tư vấn, xây dựng các chương trình, đề án, đề tài trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho ngành Xây dựng theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của Luật GDNN.

b. Thực hiện các hoạt động dịch vụ khoa học – kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phục vụ đào tạo, tổ chức sản xuất thực nghiệm, sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo theo quy định của Luật GDNN.

c. Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động.

d. Được thành lập doanh nghiệp; sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Trường, chi cho các hoạt động đào tạo và bổ sung nguồn tài chính của trường theo quy định của pháp luật; tham gia đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức du học cho học sinh, sinh viên và đưa chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Tuyển dụng, quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu trình độ và cơ cấu ngành nghề đáp ứng quy mô và trình độ đào tạo.

5. Quản lý tài chính, tài sản được giao; tổ chức sử dụng và quản lý ngân sách, kinh phí đào tạo và các nguồn vốn theo quy định của pháp luật. Nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ; sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất của Trường; tài trợ cho các hoạt động thực hiện chính sách ưu đãi đối với con em gia đình thuộc diện chính sách, các hoạt động nhân đạo và từ thiện.

6. Quyết định thành lập hoặc giải thể các tổ chức, đơn vị trực thuộc Trường theo từng giai đoạn phát triển phù hợp điều kiện thực tế và hiệu quả.

7. Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

8. Tổ chức cho cán bộ, viên chức, người lao động và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành, nghề đào tạo; chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cán bộ, viên chức, người lao động và người học.

9. Thực hiện quy chế dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyên gia công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính; có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo, nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường.

10. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo hợp đồng đặt hàng; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện chế độ báo cáo Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan quản lý các cấp về các hoạt động của Trường theo quy định hiện hành.

12. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong người học và trong đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường.

13. Giữ gìn và phát triển những di sản văn hoá dân tộc. Đưa nội dung giảng dạy về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, pháp luật có liên quan của nhà nước mà người lao động đến làm việc và pháp luật có liên quan của Việt Nam vào chương trình đào tạo khi tổ chức đào tạo cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

*** Thành tích nổi bật**

Trong 48 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, sự ủng hộ giúp đỡ của lãnh đạo Bộ Xây dựng, của lãnh đạo các cơ quan ban ngành của địa phương. Đồng thời với sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, giáo viên, công nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhiều năm liền Đảng bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nhà trường giữ vững danh hiệu Trường tiên tiến xuất sắc của tỉnh Quảng Ninh và ngành Xây dựng. Bốn mươi tám năm xây dựng và phát

triển đi lên, Trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và Bộ Xây dựng đánh giá và ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý cho nhà trường và những cá nhân xuất sắc, đó là:

- 03 huân chương Lao động (Hạng Nhất, Nhì Ba)
- Trường nhận cờ thi đua của Bộ Xây dựng
- 02 Huy chương vàng công trình chất lượng cao
- 11 Cờ thi đua xuất sắc
- 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 01 đồng chí được tặng Huân chương lao động Hạng ba
- 04 đồng chí được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 02 đồng chí được tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú
- 01 đồng chí nhận chiến sĩ thi đua cấp ngành Xây dựng
- 01 đồng chí được tặng Bằng khen Lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
- Nhiều lượt giáo viên đạt giải nhất, nhì, ba hội thi giáo viên giỏi cấp Ngành Xây dựng và cấp tỉnh và toàn quốc
- Nhiều học sinh sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba hội thi tay nghề giỏi cấp tỉnh, ngành Xây dựng và quốc gia
- Nhiều tập thể, cá nhân nhiều năm liền được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội....

2. Thông tin khái quát về Khoa Điện - Điện Tử

- Tên khoa: **Khoa Điện - Điện tử**
- Địa chỉ đơn vị: Tầng 3, nhà B - Số 206, Bạch Đằng, Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

Email: khoadiencdx@gmail.com

Năm thành lập: 2012

Trước năm 2012 khoa có tên là khoa Cơ Khí Xây dựng, Trường Trung cấp Xây dựng.

Quy mô đào tạo: 300 HSSV/năm hệ chính quy. Đào tạo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, tập thể cán bộ giáo viên trong Khoa luôn đoàn kết, gắn bó, chung tay, chung sức thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ được giao. Tổ chức quá trình đào tạo, giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục theo chương trình, kế hoạch, tiến độ giảng dạy của nhà trường. Tổ chức, theo dõi giúp đỡ, giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh - sinh viên (HSSV) và các công việc: Soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học, lên lớp, giúp đỡ HSSV học tập, rèn luyện theo đúng chương trình kế hoạch và quy chế chuyên môn quy định. Tạo điều kiện để các cán bộ, giáo viên hoàn thành các đề tài nghiên cứu khoa học đăng ký tham gia xây dựng các chương trình và trao đổi sáng kiến kinh nghiệm cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và phổ biến khoa học trong HSSV, có kế hoạch cụ thể trong việc theo dõi giúp đỡ cán bộ, giáo viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đề xuất bổ sung, xây dựng đội ngũ giáo viên theo quy định chung của khoa và của trường. Quản lý kế hoạch công tác, chế độ làm việc của từng cán bộ, giáo viên, thường xuyên duyệt giáo án, dự giờ giảng dạy của giáo viên để đánh giá đúng khả năng sư phạm, kiến thức và kỹ năng

của đội ngũ giáo viên. Tổ chức, xây dựng, quản lý cơ sở vật chất của khoa như thiết bị, đồ dùng dạy học do nhà trường giao. Với sự cố gắng vươn lên trong mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong những năm qua Khoa Điện – Điện Tử đã đạt được một số thành tích sau:

* Giáo viên:

- 100% giáo viên trong Khoa đạt giáo viên giỏi cấp Khoa và cấp Trường.

| Năm | Danh hiệu thi đua |
|------------|--|
| Năm 2015 | Thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2014-2015 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh (Số 3104/QĐ – SGD&ĐT) |
| Năm 2015 | Chi bộ đạt danh hiệu chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liên tục từ 2010 đến 2014 (QĐ 1097-QĐ/TU) |

*** Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của khoa**

| Các bộ phận | Họ và tên | Năm sinh | Học vị, chức danh, chức vụ |
|--------------------|------------|----------|----------------------------------|
| 1. Lãnh đạo đơn vị | Vũ Thị Thơ | 1980 | ThS. Kỹ thuật điện – Trưởng khoa |

Tổng số CB-GV-CNV: 14 người; Trong đó Nam: 06 người, Nữ: 08 người

| Giáo viên cơ hữu | | | |
|-------------------|-----|-----------|---------|
| Trình độ đào tạo: | Nam | Nữ | Tổng số |
| - Tiến sỹ | 0 | 0 | 0 |
| - Thạc sỹ | 03 | 06 | |
| - Đại học | | 05 | |
| - Cao đẳng | | | |
| Tổng số: | | 14 | |

3. Thông tin về Chương trình đào tạo

Tên nghề: Điện công nghiệp

Mã nghề: 6520226

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng nhằm trang bị cho người học sự phát triển toàn diện về phẩm chất chính trị, có đạo đức tư cách, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

Sinh viên theo nghề Điện công nghiệp được trang bị những kiến thức cơ bản mở rộng, kiến thức chuyên môn cần thiết, quản lý, thực hiện theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật và tổ chức thi công trong phạm vi được giao nhiệm vụ, nhằm phục vụ cho nhu cầu đa dạng của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, theo kịp tiến bộ khoa học kỹ thuật.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị.

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các thiết bị điện, khí cụ điện và vật liệu điện.

- Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện thụ động và linh kiện điện tử công suất.

- Trình bày được các phương pháp đo các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch

điện.

- Nêu được khái niệm, định luật, định lý cơ bản trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha.

- Phân tích được qui trình và phương pháp lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng phức tạp của hệ thống trang bị điện công nghiệp.

- Phân tích được sơ đồ nguyên lý hệ thống điện của các máy công cụ như máy tiện, máy phay, máy khoan, máy bào và các máy sản xuất như: băng tải, cầu trục, thang máy, lò điện ...

- Trình bày được cấu tạo, sơ đồ nguyên lý, nguyên lý hoạt động của một số mạch điện tử cơ bản, điện tử ứng dụng, điện tử công suất.

- Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình PLC và điều khiển điện khí nén.

- Phân tích được các loại bản vẽ thiết kế, lắp đặt của hệ thống điện.

- Vận dụng được những kiến thức cơ sở và chuyên môn đã học để giải thích các tình huống kỹ thuật trong lĩnh vực điện công nghiệp.

- Có hiểu biết về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết về đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và những vấn đề cấp bách của thời đại.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

- Lắp đặt thành thạo các hệ thống để bảo vệ an toàn trong công nghiệp và dân dụng.

- Nhận dạng, lựa chọn, sử dụng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam.

- Tính toán được các thông số kỹ thuật trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha ở trạng thái xác lập.

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị đo sử dụng trong nghề điện công nghiệp.

- Tháo, lắp và sửa chữa khí cụ điện đúng theo thông số của nhà sản xuất.

- Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được máy điện theo yêu cầu.

- Kiểm tra được chất lượng các linh kiện điện tử cơ bản, điện tử công suất trong các mạch điện tử thay thế được các linh kiện khi hư hỏng.

- Lắp ráp thành thạo các mạch điện tử cơ bản, điện tử công suất.

- Lắp đặt, sửa chữa được hệ thống cấp điện của một xí nghiệp, một phân xưởng vừa và nhỏ đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Lắp đặt, vận hành, kiểm tra, sửa chữa được các hư hỏng phức tạp của hệ thống trang bị điện cho thiết bị điện công nghiệp đảm bảo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật.

- Viết chương trình cho các loại PLC khác nhau đạt yêu cầu kỹ thuật.

- Kết nối thành thạo PLC với PC và các thiết bị ngoại vi khác.

- Có khả năng cập nhật kiến thức, tư duy nghề nghiệp, tổ chức và thực hiện việc chuyên giao công nghệ.

- Có kỹ năng nhận thức, tư duy sáng tạo để xác định, phân tích đánh giá thông tin trong phạm vi nghề.

- Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, tổ chức làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học sáng tạo.

- Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp đến người khác tại nơi làm việc

- Có khả năng sử dụng các công cụ trợ giúp hiện đại ứng dụng vào thực tế sản xuất.

- Có khả năng tự nghiên cứu, tiếp thu và xử lý thông tin.

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ, nghiêm túc thực hiện học tập và nghiên cứu, tìm hiểu môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Tâm lý vững vàng, tác phong làm việc nhanh nhẹn, linh hoạt để làm việc trong cả điều kiện khắc nghiệt của thời tiết ngoài trời, trên cao đảm bảo an toàn lao động, cũng như có đủ tự tin, kỷ luật để làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài;

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Năng động, sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc tập thể;

- Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Kỹ thuật viên, nhân viên lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa điện trong các trạm điện, công ty, nhà máy, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện năng và công nghiệp.

- Có khả năng tự tạo việc làm.

- Làm giảng viên, giáo viên thực hành tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nhóm ngành điện công nghiệp.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Điện công nghiệp, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 26

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 81 tín chỉ

- Khối lượng môn học chung/đại cương: 435 giờ

- Khối lượng môn học mô đun chuyên môn: 1.718 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 516 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.526 giờ; Kiểm tra: 111 giờ

3. Nội dung chương trình:

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học/mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-----------------|---|------------------|-------------------------|--------------|--|---------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận | Thi/ Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | 22 | 435 | 157 | 255 | 23 |
| MH1 | Giáo dục chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| MH2 | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| MH3 | Giáo dục thể chất | 3 | 60 | 5 | 51 | 4 |
| MH4 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 4 | 75 | 36 | 35 | 4 |
| MH5 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| MH6 | Tiếng Anh | 6 | 120 | 42 | 72 | 6 |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | 59 | 1.718 | 359 | 1.271 | 88 |
| <i>II.1</i> | <i>Môn học, mô đun cơ sở</i> | <i>16</i> | <i>364</i> | <i>132</i> | <i>207</i> | <i>25</i> |
| MH 07 | An toàn điện | 2 | 30 | 16 | 12 | 2 |
| MH 08 | Điện kỹ thuật | 3 | 40 | 27 | 10 | 3 |
| MH 09 | Vật liệu điện | 2 | 30 | 23 | 5 | 2 |
| MĐ 10 | Khí cụ điện | 3 | 88 | 22 | 60 | 6 |
| MĐ 11 | Kỹ thuật điện tử cơ bản | 3 | 88 | 22 | 60 | 6 |
| MĐ 12 | Kỹ thuật đo lường điện | 3 | 88 | 22 | 60 | 6 |
| <i>II.2</i> | <i>Môn học, mô đun chuyên môn</i> | <i>43</i> | <i>1.354</i> | <i>227</i> | <i>1.064</i> | <i>63</i> |
| MH 13 | Máy điện | 3 | 40 | 30 | 7 | 3 |
| MĐ 14 | Trang bị điện | 4 | 120 | 30 | 82 | 8 |
| MĐ 15 | Lắp đặt hệ thống cấp điện | 3 | 92 | 11 | 75 | 6 |
| MĐ 16 | Bảo dưỡng sửa chữa máy điện | 2 | 60 | 8 | 48 | 4 |
| MĐ 17 | Lắp đặt, sửa chữa mạch điện công nghiệp | 2 | 72 | 9 | 59 | 4 |
| MĐ 18 | Kỹ thuật PLC cơ bản | 3 | 88 | 20 | 62 | 6 |
| MĐ 19 | Điều khiển khí nén | 3 | 88 | 20 | 62 | 6 |
| MĐ 20 | Cung cấp điện | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MĐ 21 | Chuyên đề điều khiển lập trình cơ nhỏ | 3 | 92 | 20 | 66 | 6 |
| MĐ 22 | Điện tử công suất | 2 | 64 | 16 | 44 | 4 |
| MĐ 23 | Kỹ thuật xung-số | 3 | 88 | 20 | 62 | 6 |
| MĐ 24 | Vẽ thiết kế điện | 2 | 60 | 8 | 48 | 4 |

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học/mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|------------------|--------------------|------------------|-------------------------|--------------|--|---------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận | Thi/ Kiểm tra |
| MĐ25 | Quản dây máy điện | 2 | 60 | 7 | 49 | 4 |
| MH 26 | Thực tập sản xuất | 9 | 400 | | 400 | |
| Tổng cộng | | 81 | 2.153 | 516 | 1.526 | 111 |

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các cơ sở đào tạo nghề có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh có sự tham gia vận hành của các thiết bị điện sử dụng nguồn điện 3 pha.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội ... có thể bố trí cho người học tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

| TT | Nội dung | Thời gian |
|----|--|--|
| 1 | Thể dục, thể thao | 5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 19 giờ |
| 2 | Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt công đồng. | Ngoài giờ học hằng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (1 buổi/ tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu. | Tất cả các ngày làm việc trong tuần. |
| 4 | Vui chơi, giải trí và hoạt động đoàn thể. | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật. |
| 5 | Tham quan dã ngoại | Mỗi học kỳ 1 lần. |

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học/mô đun:

Việc thi, kiểm tra hết môn học/mô đun được thực hiện theo “Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp” ban hành kèm theo quyết định số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Việc thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo “Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp” ban hành kèm theo quyết định số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội.

4.5. Các chú ý khác:

- Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng có thể tổ chức giảng dạy tại các địa phương, trung tâm đào tạo hoặc các cơ sở dạy giáo dục nghề nghiệp có đầy đủ trang thiết bị cần thiết.

- Chương trình có thể được thực hiện đào tạo theo các phương thức: đào tạo theo niên chế hoặc đào tạo theo tích lũy tín chỉ, mô đun.

- Căn cứ tình hình từng khóa học, Hiệu trưởng ban hành quyết định về phương thức đào tạo:

+ Đào tạo theo niên chế: thực hiện đào tạo 26 môn học/mô đun

+ Đào tạo theo tích lũy tín chỉ: Số lượng tín chỉ cần tích lũy là 81 tín chỉ

+ Đào tạo theo tích lũy mô đun: Số lượng mô đun cần tích lũy là 26 mô đun./.

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2019;

- Kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp (Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCĐ ngày 16 /4/2021).

1.2. Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong Nhà trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề của Nhà trường, qua đó huy động tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí và các chỉ số kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường, phấn đấu trở thành Trường chất lượng cao đến năm 2025.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Để cho hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo có chất lượng tốt và đạt được mục tiêu đề ra thì hoạt động này phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Trường.

- Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của trường và những minh chứng để chứng minh.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến từ các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động

Phương pháp tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự đánh giá, tổ chức tập huấn cho tất cả các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn.

Các minh chứng thu thập từ các nhóm được mã hoá theo qui định của từng tiêu chuẩn. Các nhóm chuyên trách tập hợp các nhóm minh chứng theo tiêu chuẩn để phân tích đánh giá và lập báo cáo theo phiếu mô tả các tiêu chuẩn được phân công. Thư ký hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chí, tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Ban thư ký họp thông qua dự thảo báo cáo tự đánh giá. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng tự đánh giá xem xét. Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi trường các đơn vị. Ban thư ký thu thập tất cả các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh báo cáo tự kiểm định lần cuối. Trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp báo cáo cho Tổng cục GDNN.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thực hiện quy trình tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của Tổng cục GDNN, gồm các bước:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định

Bước 2: Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Nhà trường .

Bước 3: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Bước 4: Thu thập thông tin và các chứng cứ để minh chứng

Bước 5: Phân tích, xử lý các thông tin, những minh chứng thu được để minh chứng.

Bước 6: Đánh giá mức độ mà Trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN.

Bước 7: Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo |
|----------|---|------------|--|
| | ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC | | <i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i> |
| | Tổng điểm | 100 | 92 |
| 1 | Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính | 6 | 6 |
| | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | 2 | 2 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo |
|-----------|--|-------------------|---|
| | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| 2 | Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo | 14 | 12 |
| | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định. | 2 | 0 |
| 3 | Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên | 16 | 14 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo |
|-----------|--|-------------------|---|
| | Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | 2 | 0 |
| | Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
| 4 | Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình | 24 | 22 |
| | Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ | 2 | 2 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo |
|----|---|------------|--|
| | giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | | |
| | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | 2 | 0 |
| | Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
| 5 | Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 16 | 14 |
| | Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, | 2 | 2 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo |
|-----------|--|-------------------|---|
| | vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | | |
| | Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2 | 0 |
| | Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. | 2 | 2 |
| 6 | Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học | 8 | 8 |
| | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo |
|----|---|------------|--|
| | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | 2 | 2 |
| 7 | Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng | 16 | 16 |
| | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có). | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
| | Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 2 | 2 |

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Mở đầu:

Trong những năm gần đây, nghề Điện công nghiệp là một trong những nghề được nhiều sinh viên lựa chọn theo học. Hàng năm, nhà trường đào tạo hàng trăm học sinh, sinh viên tốt nghiệp nghề Điện công nghiệp, cung cấp cho thị trường lao động trong và ngoài tỉnh. Chất lượng đào tạo của Trường được doanh nghiệp đánh giá cao, đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Để có kết quả đó, Nhà trường luôn rà soát, điều chỉnh mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện phù hợp mục tiêu của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động. Nhà trường lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, sinh viên đã tốt nghiệp và doanh nghiệp để hoàn thiện chương trình đào tạo, CTĐT được công bố công khai tại website. Nhà trường giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Điện - Điện tử là đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; Khoa Điện - Điện tử hàng năm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường có quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng, chương trình chi tiết môn học, thể hiện đầy đủ mục tiêu chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được công bố công khai trên website, trên thư viện nhà trường. Ít nhất 3 năm một lần chương trình đào tạo được rà soát điều chỉnh phù hợp với thị trường lao động và nhu cầu phát triển của xã hội.

Nhà trường quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong đó có khoa Điện - Điện tử. Năm 2018, 2019, 2020 khoa Điện - Điện tử luôn hoàn thành xuất sắc công việc được giao.

Để đáp ứng tốt quá trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Nhà trường đã thực hiện nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học trong chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng của CTĐT có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Năm 2021 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội, ngành Điện và địa phương. Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động nghiên cứu khoa học, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học học chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 1 | 6 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Từ năm 2017, nhà trường được cấp phép đào tạo nghề Điện Công nghiệp hệ Cao đẳng (1.1.01 - Giấy chứng nhận số 16a/2017/GCNĐKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNĐKHD-TCGDNN).

Nhà trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, từ đó xây dựng và ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/BLĐTB&XH, trong đó có quy định rõ về mục tiêu đào tạo của chương trình là nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề điện trong lĩnh vực Điện Công nghiệp (1.1.02 - Quyết định số 758/QĐ-TCĐ ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng).

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng ban hành năm học 2017 - 2018 (Theo QĐ ban hành Chương trình đào tạo) được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định trong Đề án thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được xây dựng trên cơ sở đề án phát triển nguồn nhân lực của ngành Xây dựng đến năm 2020, Quy chế hoạt động của Trường CĐN Xây dựng; nhu cầu của thị trường lao động (kết quả của việc Nhà trường tiến hành phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh, ngành Xây dựng và kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng lao động hàng năm của các doanh nghiệp) và được công bố công khai trên Website của Trường để người học được biết (1.1.03 - QĐ số 07/QĐ-TCĐ ngày 20/4/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng (Quy chế kèm theo); 1.1.04 - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Kế hoạch của Công đoàn Xây dựng Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, 2021 - 2022, trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực đối với các nghề Trường đào tạo; 1.1.05 - Đề án thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được xây dựng trên cơ sở đề án phát triển nguồn nhân lực của ngành Xây dựng đến năm 2020; 1.1.06 - Thông báo tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 1.1.07 - Mục tiêu CTĐT nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng ban hành năm học 2017-2018 (kèm theo Quyết định ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018); 1.1.08 - <http://caodangnghexaydung.edu.vn>)

Hàng năm, Phòng Kế hoạch - Đào tạo phối hợp cùng Khoa Điện - Điện tử rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo nhằm phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động (1.1.09 - Báo cáo kết quả rà soát mục tiêu của CTĐT năm học 2018, 2019, 2020; 1.1.10 - Các Quyết định ban hành Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng (đã được rà soát, điều chỉnh) năm 2019, 2021).

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát cán bộ, quản lý, giáo viên, HSSV, đại diện doanh nghiệp, kết quả nhận được trên 90% ý kiến đồng ý với nhận định: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định (1.1.11 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên HSSV, đại diện doanh nghiệp đối với các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm học 2017 - 2018, sau khi ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng, Nhà trường đã có quyết định giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa Điện - Điện tử, Phòng Kế hoạch - Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ cao đẳng (1.2.01 - Quyết định số/QĐ-TCD ngày..... của Hiệu trưởng trường CDN Xây dựng về việc giao nhiệm vụ cho Khoa Điện - Điện tử, Phòng Kế hoạch - Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ cao đẳng).

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Quyết định giao nhiệm vụ, Khoa Điện - Điện tử đã triển khai tuyển sinh, đào tạo đúng quy định theo hướng đảm bảo mục tiêu chương trình đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm Khoa có báo cáo kết quả hoạt động và đánh giá thực hiện tốt nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo; Đồng thời, trong tổng kết năm học, Nhà trường đánh giá cao việc hoàn thành nhiệm vụ của Khoa Điện - Điện tử và có những Quyết định khen thưởng xứng đáng (1.2.02 - Báo cáo tổng kết năm học của khoa Điện - Điện tử năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường CDN Xây dựng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.04 - Các Quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen đối với tập thể, cá nhân khoa Điện - Điện tử).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm học 2019 - 2020, Trường đã nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo, trong đó có chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ cao đẳng. Định mức này được xác định trên cơ sở những quy định hiện hành và điều kiện đặc thù của ngành, Trường nhằm đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo (Quyết định số 497a/QĐ-TCD ngày 28/6/2020 của Hiệu trưởng Trường CDN Xây dựng về việc ban hành định mức chi tối thiểu cho một người học).

Ngoài các nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước cấp, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, Trường đã tạo được một số nguồn thu hợp pháp như: thu học phí của học sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp nghề tại trường; đào tạo nghề tại các Trung Tâm GDNN - GDTX trên các địa bàn: Uông Bí, Đông Triều, Quảng Yên; liên kết với Trường Đại học Thủy Lợi, Đại học Kiến trúc Hà Nội mở các lớp Đại học hệ vừa học vừa làm các ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, phát triển các dịch vụ cho người học nghề ...tạo thêm nhiều nguồn thu hợp pháp, tăng cường nguồn kinh phí hoạt động cho Nhà trường, đảm bảo nguồn thu thực hiện chương trình đào tạo (1.3.02 - Quyết định giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2019, 2020, 2021; 1.3.03 - Quyết định về việc ban hành mức thu học phí của trường năm 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021; 1.3.04 - Báo cáo

công khai công tác tài chính tại Hội nghị công chức, viên chức năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Trong năm học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng kết hợp phòng Kế hoạch - Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế toán tiến hành kiểm tra và có kết luận Nhà trường sử dụng đúng định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo (1.3.05 - Báo cáo về công tác đào tạo Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021; 1.3.06 - Biên bản kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019-2020, 2020-2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: Đạt 2 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Mở đầu:

Hoạt động đào tạo là một trong những hoạt động chính của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy, hoạt động đào tạo được Ban giám hiệu Nhà trường quan tâm chỉ đạo sâu sát và có định hướng phù hợp nhằm đưa hoạt động đào tạo của Trường ngày càng đạt chất lượng, khẳng định được vị thế của nhà trường trong Tỉnh Quảng Ninh nói riêng và trong cả nước nói chung.

Công tác tuyển sinh của Trường được thực hiện bài bản, đúng quy định, trong đó nhà trường đã lồng ghép rất nhiều các hoạt động để thực hiện công tác tuyển sinh một cách có hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

Trường đã thực hiện đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với các loại hình đào tạo dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo theo hợp đồng, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để đáp ứng nhu cầu của người học và doanh nghiệp.

Hàng năm, trường luôn triển khai rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho học sinh, tăng mối liên kết giữa nhà trường và các doanh nghiệp; trong quá trình điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo, nhà trường đã rà soát chương trình đào tạo cũ, chọn lọc các mô đun, môn học phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp, đồng thời xin ý kiến của các chuyên gia, các doanh nghiệp, các nhà quản lý để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho người học được rèn luyện tay nghề vững chắc trước khi tham gia vào thị trường lao động.

Nhà trường thực hiện quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo hình thức kiểm tra đánh giá độc lập, điều này đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng; các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù môn học, ngành nghề và mục tiêu đào tạo.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy được toàn thể viên chức, giáo viên trong trường hưởng ứng tích cực. Trong quá trình đào tạo, để tạo điều kiện thuận lợi cho người học, nhà trường đã nghiên cứu, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho các hình thức, phương thức đào tạo. Nhà trường đã chỉ đạo giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tự học của học sinh, sinh viên; đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.

**** Những điểm mạnh:*** Nhà trường luôn chủ động xây dựng và ban hành các quy định trong công tác đào tạo như: Quy định về công tác tuyển sinh, đào tạo các trình độ, in và cấp phát văn bằng chứng chỉ... trên cơ sở quy chế, quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tất cả các ngành, nghề mà Nhà trường đang đào tạo đều có chương trình đào tạo, chương trình chi tiết các môn học; giáo trình, tài liệu phục vụ quá trình giảng dạy

của giáo và học tập của học sinh, sinh viên. Công tác tuyển sinh Nhà trường luôn thực hiện tốt công khai, minh bạch. Công tác quản lý đào tạo được thực hiện đúng, nghiêm chỉnh chấp hành cách ghi sổ và loại giấy tờ theo quy định. Công tác tổ chức thi tốt nghiệp, cấp phát văn bằng chứng chỉ theo quy định. Ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào giảng dạy cũng như tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo.

* *Những tồn tại:* Trong những năm gần đây, công tác tuyển sinh của Nhà trường gặp nhiều khó khăn, số lượng học sinh nhập học các ngành, nghề không đồng đều. Đặc biệt là công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng gặp rất nhiều khó khăn.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Trong những năm học tới Nhà trường tiếp tục triển khai đồng bộ các phương án tuyển sinh linh hoạt và hiệu quả, tuyển sinh trực tuyến, quảng bá về thương hiệu hình ảnh của Nhà trường như qua báo, đài, mạng xã hội, website của Nhà trường, cử cán bộ tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT, THCS trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận....

Khoa, bộ môn tích cực triển khai công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 2 | 12 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 |
| Tiêu chuẩn 7 | 0 |

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có Quy chế và Quy định tuyển sinh theo đúng quy định (2.1.01 - *Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường CDN Xây dựng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.1.02 - Quyết định ban hành quy định về công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*)

Hàng năm, trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh được giao trong các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN, khả năng đào tạo của Trường và kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực của địa phương, ngành, Trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp (2.1.03 - *Quyết định về việc Xác định chỉ tiêu tuyển sinh 2019, 2020, 2021*). Để công tác tuyển sinh hiệu quả, Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh triển khai các hoạt động chuyên môn, chỉ đạo Trung tâm Tư vấn Hướng nghiệp và Dịch vụ đào tạo triển khai công tác tuyển sinh (2.1.04 - *QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký HĐ tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.1.05 - Các kế hoạch tuyển sinh, tờ bướm, thông báo tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021*).

Kết quả tuyển sinh hàng năm nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng của nhà trường như sau:

| TT | Năm | Toàn trường | | |
|----|----------|---------------|---------------------|------------------|
| | | Kế hoạch giao | Số lượng thực tuyển | Tỉ lệ hoàn thành |
| 1 | Năm 2019 | 20 | 6 | 30% |
| 2 | Năm 2020 | 10 | 16 | 160% |
| 3 | Năm 2021 | 10 | 14 | 140% |

Do năm 2019 nghề điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng trên địa bàn thành phố Uông Bí chưa phát triển mạnh về nhu cầu lao động nên chưa đạt tỷ lệ tuyển sinh 80% so với chỉ tiêu đề ra (2.1.06 - Danh sách HSSV đăng ký học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021 - 2022; 2.1.07 - Hồ sơ đăng ký học của học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.1.08 - Biên bản họp sơ tuyển, xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.1.09 - Danh sách HSSV trúng tuyển các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.1.10 - Quyết định trúng tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.1.11 - Quyết định mở lớp (có Danh sách HS kèm theo) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo tổng kết Trung tâm hướng nghiệp và dịch vụ đào tạo năm 2019,2020,2021; 2.1.13 - Kế hoạch thanh tra, Biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan cho thấy 100% đồng ý với đánh giá: Hàng năm, Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của Trường (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: Đạt 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện nhiệm vụ được giao, hàng năm Phòng Kế hoạch - Đào tạo phối hợp với Khoa Điện - Điện tử lập kế hoạch đào tạo theo quy định. Căn cứ để lập kế hoạch là Bộ chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo (1.1.02 - Quyết định số 758/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng).

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo và Tiến độ đào tạo của Trường, khoa Điện - Điện tử xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo cụ thể cho các lớp (2.1.01 - Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.1.02 - Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021).

Trong quá trình tổ chức đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Kế hoạch - Đào tạo, Khoa Điện - Điện tử thường xuyên thực hiện kiểm tra hồ sơ sổ sách của giáo viên, dự giờ giảng, giám sát các hoạt động của Khoa Điện - Điện tử. Kết quả cho thấy Khoa đã tổ chức đào tạo theo quy định (2.1.03 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.1.04 - Giáo án các lớp năm học 2018-2019,2019-

2020,2020-2021; 2.1.05 - Sổ tay giáo viên các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.1.06 - Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ năm học 2018-2019, 2019 - 2020, 2020-2021; 2.1.07 - Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019-2019,2020,2020-2021; 2.1.08 - Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa Điện - Điện tử (nghề điện công nghiệp) của Trường các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.1.09 - Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Khoa Điện - Điện tử đã thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, kích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

Theo quy định tại thông tư 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được thiết kế đảm bảo tỷ lệ lý thuyết và thực hành theo quy định.

Các nội dung chuyên môn trong chương trình đào tạo đều được thiết kế theo các mô đun tích hợp giữa nội dung kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp, do đó tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích hợp (1.1.02 - Quyết định số 758/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng).

Hàng năm, Khoa dựa vào Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo của Trường để lập Kế hoạch nhà giáo. Mỗi giáo viên được phân công thực hiện đúng yêu cầu, nhiệm vụ và kế hoạch (2.1.01 - Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.1.02 - Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.1.03 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021).

Nội dung kiến thức nghề Điện công nghiệp có nhiều kỹ năng đòi hỏi HSSV phải có thao tác tư duy tốt, đặc biệt đối tượng học trình độ trung cấp chủ yếu là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, có hạn chế về tiếp thu kiến thức và thực tập kỹ năng.

Vì vậy để phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm của HSSV, trong quá trình giảng dạy nhà giáo của khoa đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực hướng tới HSSV: Phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, giao bài tập lớn để trang bị kiến thức chuyên môn đồng thời kết hợp rèn luyện năng lực thực hành thông qua thao tác làm mẫu. HSSV thực hành chủ trên các thiết bị thật.

Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của trang thiết bị dạy học như: Máy chiếu, mô hình học cụ, phần mềm dạy học. Sắp xếp, bố trí phòng học theo hướng dạy tích hợp, tích hợp giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành tại phòng học.

Các bài tập thực hành đều chia nhóm để HSSV luyện tập, các cá nhân trong nhóm độc lập với nhiệm vụ được giao, đồng thời có sự liên kết nhóm để hoàn thiện bài tập (2.1.04 - *Giáo án các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.1.05 - *Sổ tay giáo viên các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Quá trình thực tập tại doanh nghiệp, nhà trường phối hợp với Doanh nghiệp triệt để áp dụng phương pháp thực tập nhóm, để HSSV rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức các công việc theo nhóm sản xuất, giúp HSSV rèn luyện đầy đủ các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng quản lý, qua đó phát huy tính độc lập, sáng tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn của HSSV (2.3.01 - *Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của HSSV*).

Nhà trường, Khoa, cũng thường xuyên tổ chức thực hiện việc dự giờ chuyên môn, hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo quy định. Có biên bản nhận xét đánh giá giờ dự thể hiện rõ giáo viên thực hiện nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của HSSV, tổ chức làm việc theo nhóm của HSSV (2.3.02 - *Các biên bản dự giờ nhà giáo - khoa Điện*).

Khoa Điện - Điện tử đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Khoa sử dụng các phần mềm Microsoft Word và Excel để quản lý đào tạo và danh sách bảng điểm các môn học/mô đun; Các giáo viên trong khoa chú trọng việc ứng dụng công nghệ và ứng dụng các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án, bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; dựng video clip thực hành (2.3.03 - *Danh sách tổng hợp danh mục các thiết bị và phần mềm mô phỏng phục giảng dạy năm 2019, 2020, 2021*).

Trường được đánh giá là đã thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Tuy nhiên, nhà trường hiện nay chưa triển khai sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, công tác quản lý dữ liệu đào tạo được thực hiện bằng các phần mềm Microsoft Office như Word, Excel.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: Đạt 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Chương trình đào tạo đã được phê duyệt, hàng năm Trường, Khoa phối hợp với các doanh nghiệp để tổ chức, hướng dẫn cho HSSV thực hành, thực tập (1.1.02 - *Quyết định số 758/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng*).

Nhà trường đã ký các Hợp đồng, Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp trong đó có nội dung về việc cho HSSV học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp (2.4.01 - *Hợp đồng với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021*).

Sau khi kết thúc các MH, MĐ trong chương trình đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức các đợt thực hành, thực tập tốt nghiệp cho HSSV tại đơn vị sử dụng lao động. Trong quá trình HSSV đi thực hành, thực tập, Nhà trường cử cán bộ, giáo viên đến đơn vị sử dụng lao động để kiểm tra, giám sát HSSV. Thời gian thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, HSSV phải ghi chép hoạt động của mình vào sổ thực tập. Sau khi kết thúc đợt thực hành, thực tập HSSV xin ý kiến đánh giá, xác nhận của đơn vị sử dụng lao động và nộp sổ thực tập tốt nghiệp về Khoa Điện-Điện tử để tổng hợp đánh giá kết quả thực hành, thực tập tốt nghiệp.

Các hoạt động thực tập tại các cơ sở sản xuất đã góp phần giúp HSSV có cơ hội tiếp cận với thực tiễn tại doanh nghiệp và được doanh nghiệp một phần nào đó đánh giá được tay nghề của HSSV trước khi ra trường.

Trong các năm qua, Nhà trường đảm bảo 100% HSSV trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (2.4.02 - Công văn đề nghị tiếp nhận học sinh thực tập tại các doanh nghiệp năm 2019,2020,2021; 2.4.02 - Quyết định cử HSSV đi thực tập, học tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021; 2.4.03 - Đề cương thực tập sản xuất các nghề năm 2019,2020,2021; 2.4.04 - Quyết định cử nhà giao đi quản lý, hướng dẫn HSSV thực tập, học tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021; 2.4.05 - Quyết định cử nhà giao đi quản lý, hướng dẫn HSSV thực tập, học tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021; 2.4.06 - Phiếu nhận xét HSSV thực tập tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021; 2.4.07 - Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động năm 2019,2020,2021; 2.4.08 - Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp nghề điện công nghiệp năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Thực hiện theo quy định, Trường đã ban hành các Quy chế phục vụ cho việc tổ chức hoạt động đào tạo (2.5.01 - Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2017, 2019; 2.5.02 - Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2019; 2.5.03 - Quy chế học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2021; 2.5.04 - Quy chế đào tạo thường xuyên năm 2017, 2019; 2.5.05 - Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2017, 2019, 2021; 2.5.06 - Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp năm 2017, 2019, 2021).

Công tác tổ chức thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp được nhà trường thực hiện đúng quy trình, quy định. Khoa phân công các giáo viên bộ môn giảng dạy biên soạn, in ấn đề thi, khoa và phòng chức năng phê duyệt đề thi kết thúc MH/MĐ. Tổ chức coi thi gồm 02 giáo viên, chấm thi kết thúc MH/MĐ do 02 giáo viên chấm và đọc phách, ghép phách theo đúng quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ. Việc đánh giá kết quả học tập của HSSV đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 10, trên cơ sở đó đánh giá kết quả học tập sinh viên đạt hay không đạt (2.5.07 - Biên bản xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 2.5.08 - Các quyết định thành lập HĐ thi, Ban coi thi, ban chấm thi năm 2019, 2020, 2021).

Đối với đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV được Khoa thực hiện đúng quy trình, quy định, đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 100 trên cơ sở bốn nội dung: Ý thức, thái độ và kết quả học tập; Ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường; Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể của Khoa (2.4.08 - *Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp nghề điện công nghiệp năm năm 2019, 2020, 2021*).

Việc quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ được Trường căn cứ vào Thông tư 10/2017/TT - BLĐTB&XH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in; quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ (2.5.09 - *Quyết định phê duyệt mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ năm 2019, 2021*; 2.5.10 - *Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho HSSV các năm 2019, 2020, 2021*; 2.5.11 - *Báo cáo xác nhận phôi văn bằng, chứng chỉ năm 2019, 2020, 2021*; 2.5.12 - *Biên bản bàn giao phôi bằng in hỏng năm 2019, 2020, 2021*; 2.5.13 - *Phiếu nhập phôi bằng, chứng chỉ năm 2019,2020,2021*; 2.5.14 - *Phiếu xuất phôi bằng, chứng chỉ năm 2019, 2020, 2021*; 2.5.15 - *Các đề nghị xin lĩnh phôi bằng, chứng chỉ để in năm 2019, 2020, 2021*).

Trường thực hiện việc lưu trữ hồ sơ của HSSV đầy đủ, khoa học, chính xác theo quy định (2.5.16 - *Quyết định thành lập hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện năm 2019*; 2.5.17 - *Phiếu đánh giá điểm rèn luyện năm 2019, 2020, 2021*; 2.5.18 - *Biên bản đánh giá điểm rèn luyện năm 2019, 2020, 2021*; 2.5.19 - *Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*; 2.2.07 - *Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019-2019,2020,2020-2021*; 2.2.08 - *Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) của trường các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*; 2.2.09 - *Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo, để đảm bảo các hoạt động dạy và học được tổ chức đúng kế hoạch, đầu năm học phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất các hoạt động đào tạo của Khoa Điện - Điện tử .

Sau mỗi lần kiểm tra, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Khoa đều có báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó nêu lên những điểm đạt và những điểm chưa đạt trong quá trình dạy và học (2.2.07 - *Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019-2019,2020,2020-2021*; 2.2.08 - *Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) của trường các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*; 2.2.09 - *Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*).

Từ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Khoa đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng như chất lượng đào tạo nghề Điện công nghiệp (2.6.01 - *Thông báo về việc thực hiện các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*). Cuối mỗi năm học, các đơn vị cùng rà soát kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng và đề xuất cải tiến cho năm học sau (2.6.02 - *Báo cáo việc thực hiện các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học của nghề điện công nghiệp 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Ý kiến, cán bộ quản lý, giảng viên, HSSV đều nhất trí: Trường tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp (1.1.11 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên HSSV, đại diện doanh nghiệp đối với các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã và đang đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng bảo đảm tuân thủ theo các quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp và quy định của Bộ Lao động - TB&XH theo chương trình đã được phê duyệt (1.1.01 - *Giấy chứng nhận số 16a/2017/GCNDKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN*).

Khoa Điện - Điện Tử có 2 lớp liên thông từ trình độ Trung cấp lên cao đẳng, tổng số SV tuyển sinh hệ liên thông năm 2020, 2021 có 05 SV. Tổ chức đào tạo liên thông của Nhà trường thực hiện theo quy chế, kế hoạch, bảo đảm đúng thời gian, tiến độ và nội dung chương trình đã xây dựng (2.7.01 - *Quy chế đào tạo liên thông từ Trung cấp lên cao đẳng năm 2018, 2019, 2021*; 2.7.02 - *Báo cáo hoạt động đào tạo liên thông năm 2019, 2020, 2021 gửi Sở Lao động thương binh và xã hội*; 2.7.03 - *Quyết định của Hiệu trưởng về việc thực hiện tuyển sinh đào tạo liên thông nghề điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2019, 2020, 2021*; 2.7.04 - *Các kế hoạch tuyển sinh, tờ bướm, thông báo tuyển sinh liên thông các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 1.1.02 - *Quyết định số 758/QĐ-TCĐ ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018*; 2.7.05 - *Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng*; *Quyết định tiếp nhận học sinh các lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng Nghề điện công nghiệp kèm theo danh sách SV từ năm năm 2020, 2021*; 2.7.06 - *Hồ sơ sinh viên học liên thông năm 2020, 2021*; 2.7.07 - *Quyết định về việc ban hành các mô đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng các ngành*; 2.5.10 - *Sổ cấp phát bằng trình độ cao đẳng, trung cấp, chứng chỉ sơ cấp năm 2019, 2020, 2021*; 2.7.08 - *Báo cáo các khóa học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hình thức đào tạo chính quy đã tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021*).

Công tác thanh tra đào tạo liên thông luôn được Nhà trường giám sát chặt chẽ. Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định về đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng nghề Điện công nghiệp. Giúp HSSV có cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp trung cấp (2.2.07 - *Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019, 2020, 2020-2021*; 2.2.08 - *Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) của trường các lớp năm*

học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.2.09 - Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (ngành điện công nghiệp) năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: Đạt 2 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Mở đầu:

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được xác định là một trong những yếu tố cơ bản và quan trọng nhất để tạo nên chất lượng giáo dục của nhà trường. Vì vậy Nhà trường luôn tập trung chú trọng đầu tư mọi nguồn lực cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ, đảm bảo cân đối nguồn nhân lực về số lượng, trình độ, về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm... đáp ứng yêu cầu giáo dục trong thời kỳ mới. Nhà trường đã xây dựng quy chế tuyển chọn chặt chẽ, xác định rõ tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn và có chính sách bồi dưỡng, động viên và thúc đẩy quá trình tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên, người lao động; khuyến khích sự sáng tạo trong giảng dạy và công tác, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Khoa Điện - Điện Tử hiện nay có 14 cán bộ, giáo viên, trong đó có 02 CBQL 12 nhà giáo. 100% cán bộ và nhà giáo tham gia giảng dạy đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Nhà giáo giảng dạy môn chuyên môn nghề Điện hàng năm đều tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. Tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. Nhà trường thường xuyên tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng; nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. Công tác thanh kiểm tra được Trường thực hiện thường xuyên góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

*** Những điểm mạnh:**

- Có 100% cán bộ và nhà giáo tham gia giảng dạy đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- 100% nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của khoa hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Hàng năm, nhà giáo giảng dạy môn chuyên môn nghề Điện đều tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

- Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

*** Những tồn tại:** Hàng năm, tỉ lệ giáo viên nghiên cứu khoa học trong toàn Trường chưa cao.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Nhà trường tiếp tục tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng và đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Khuyến khích giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi các thiết bị tự làm.

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 3 | 14 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |

| | |
|--------------|---|
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |
| Tiêu chuẩn 6 | 0 |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 |

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ hướng dẫn của Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 và văn bản hợp nhất số 5161/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 02/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN đề ra soát, đánh giá, phân loại nhà giáo của Trường. Tính tháng 12/2021 số lượng nhà giáo tham gia giảng dạy là 25 giáo viên cơ hữu 24. Trong đó có 11 thạc sĩ, 14 đại học đảm bảo đạt chuẩn trở lên về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định, giáo viên dạy thực hành đạt chuẩn về kỹ năng thực hành nghề theo quy định (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp*).

Nhà Trường chú trọng đến công tác hồ sơ quản lý nhà giáo. Hàng năm lãnh đạo nhà Trường chỉ đạo đơn vị chuyên môn rà soát, bổ sung những thay đổi trong hồ sơ nhà giáo và quản lý chặt chẽ (3.3.02 - *Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức*)

Hàng năm, Trường thực hiện báo cáo đánh giá chất lượng cho các cơ quan quản lý và cơ quan chuyên môn có liên quan (3.1.03- *Đánh giá chất lượng (có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo) các năm 2019, 2020, 2021*); *Thống kê chất lượng công chức, viên chức các năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, nhà Trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của toàn trường nói chung và nhà giáo giảng dạy nghề Điện nói riêng nhằm lấy ý kiến khách quan để có cơ sở đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên (1.1.10 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ của cán bộ, giáo viên, viên chức (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp*; 3.1.02 - *Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức*).

Căn cứ các quy định, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức làm căn cứ để đánh giá giáo viên hoàn thành các nhiệm vụ được giao (3.2.01 - Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021).

Khoa Điện - Điện tử có đội ngũ nhà giáo đảm bảo về số lượng và chất lượng để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo chương trình và tiến độ đào tạo đã xây dựng đáp ứng nhu cầu giảng dạy chuyên môn của nhà trường. Căn cứ vào kế hoạch giáo viên, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu. Khoa Điện - Điện tử phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, giáo viên và nhân viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy. Hàng năm khoa Điện - Điện tử thực hiện việc đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên và nhân viên hoàn thành nhiệm vụ được giao như chấp hành giờ lên lớp, không vi phạm các quy định của Nhà trường... Cán bộ, giáo viên khoa Điện - Điện tử luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (1.2.03 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường CĐN Xây dựng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các môn học, mô đun thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tổng số giáo viên ở Khoa Điện - Điện Tử hiện nay là 11 giáo viên, trong đó cán bộ quản lý tham gia vào công tác giảng dạy là 02 người. Tất cả các giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ (3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp)

Căn cứ vào quy định về chế độ làm việc của Trường, căn cứ vào số lớp học, giáo viên hiện có, kế hoạch giáo viên, Phòng Kế hoạch - Đào tạo lập kế hoạch đào tạo và kế hoạch giáo viên cho từng khóa, từng năm, từng kỳ, từng lớp (3.3.01 - Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.3.02 - Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021; 3.3.03 - Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ; 3.3.04 - Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo học kỳ, năm học).

Căn cứ danh sách HSSV trúng tuyển và tình hình nhập học của HSSV nghề Điện công nghiệp, Nhà Trường tiến hành phân lớp cho HSSV, giáo viên phụ trách và danh sách lớp này được duy trì đến cuối khóa học. Trong đó, lớp học lý thuyết không quá 35 học sinh, sinh viên. Lớp học thực hành, tích hợp không quá 18 học viên, HSSV đối với nghề bình thường; không quá 10 học viên, HSSV đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Danh mục do Bộ lao động - TB&XH ban hành và so với tiêu chuẩn sĩ số HSSV trong Quy định chế độ làm việc của nhà giáo, Trường đảm bảo tỉ lệ HSSV/giáo viên theo đúng quy định cụ thể:

| Năm học | Tổng số HSSV qui đổi | Tổng số Giáo viên qui đổi | Tỉ lệ % |
|---------|----------------------|---------------------------|---------|
| 2019 | 119 | 10 | 11.9 |
| 2020 | 83 | 10 | 8.3 |
| 2021 | 120 | 10 | 12.0 |

Nhà Trường luôn thực hiện nghiêm quy định về tỷ lệ HSSV/ giáo viên. Hàng năm, nhà Trường có thống kê và thanh toán giờ giảng vượt định mức cho giáo viên với yêu cầu bảo đảm số giờ giảng dạy của giáo viên không vượt quá 1/2 số giờ tiêu chuẩn; giáo viên kiêm chức có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/3 số giờ tiêu chuẩn, giáo viên giảng dạy không

quá 200 giờ so với giờ chuẩn trong năm một năm học (3.3.04 - *Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021*; 3.3.05 - *Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo*; 3.3.06 - *Biên bản thanh, kiểm tra đối với đội ngũ nhà giáo (bao gồm cả đối với giáo viên dạy chuyên ngành, nghề riêng)*; 3.3.07 - *Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo trường CDN Xây dựng*).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến thời điểm tháng 12/2021 số giáo viên cơ hữu giảng dạy môn chuyên ngành Điện là 14, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp*).

Với lực lượng cán bộ, giáo viên có trình độ và chuyên môn, được đào tạo chính quy là nền tảng để phát triển công tác nghiên cứu khoa học tại Khoa. Hàng năm, Giáo viên của Khoa tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm

Trường thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài để thực hiện công tác đánh giá, xét duyệt đề tài. Các đề tài NCKH của Khoa là các sáng kiến, cải tiến trong công tác giảng dạy. Có nhiều đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm của các nhà giáo chuyên ngành Điện được công nhận, cụ thể, năm 2018 có 04 đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm; năm 2019 có 05 đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm; tất cả 13 đề tài được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao và có khả năng ứng dụng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy trong Trường.

Hàng năm, khoa Điện - Điện Tử chọn ra những giáo viên có chuyên môn tham gia hội giảng giáo viên từ cấp khoa đến cấp Quốc gia. Sau mỗi kỳ hội giảng đều có báo cáo đánh giá về kết quả hội giảng, lựa chọn những bài giảng tốt có áp dụng sáng tạo phương pháp giảng dạy tích cực dự thi hội giảng cấp trên. Từ nhiều năm nay, các bài giảng của giáo viên Khoa tham dự các kỳ thi hội giảng cấp Tỉnh và Toàn quốc đều đạt được những kết quả cao. Ngoài ra, giáo viên Khoa còn tích tham gia hội thi thiết bị tự làm các cấp. Tổng số thiết bị đào tạo tự làm phục vụ cho công tác giảng dạy tại Khoa là 20 thiết bị (3.4.01 - *Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm*; 3.4.02 - *Hồ sơ thuyết minh đề tài NCKH (Kế hoạch NCKH; Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Quyết định phê duyệt thực hiện đề tài/nhiệm vụ KH cấp cơ sở; Báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện đề tài KH&CN cấp trường; Phiếu nhận xét thẩm định thuyết minh đề tài NCKH; Hồ sơ nghiệm thu đề tài NCKH; Quyết định công nhận và nghiệm thu Đề tài/Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở) các năm 2019, 2020, 2021*).

Từ năm 2017 đến năm 2019, Khoa có 01 luận văn thạc sỹ.

Như vậy, hàng năm có trên 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành Điện CN tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nâng cao trình độ chuyên môn của giáo viên là công tác được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo, BGH Trường đã xây dựng chương trình học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao... mang tính dài hạn, được tiến hành theo giai đoạn (3.5.01 - Kế hoạch học tập bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021 của khoa).

Hàng năm, Nhà trường cử giáo viên cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng: 100% giáo viên trực tiếp giảng dạy tại khoa Điện - Điện tử tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm và ứng dụng công nghệ thông tin (3.5.02 - Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021).

Bên cạnh việc nâng cao năng lực sư phạm, giáo viên của Trường luôn có ý thức phải nâng cao trình độ chuyên môn, tính đến tháng 12/2021, Khoa có 09 thạc sĩ, chiếm tỉ lệ 75% giáo viên đạt trình độ thạc sĩ. Từ năm 2018 đến năm 2020, có nhiều giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ Sau mỗi khóa tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ các giáo viên tham gia đều báo cáo triển khai, nhân rộng tại đơn vị (3.5.03 - Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận, hình ảnh các lớp học tập, bồi dưỡng, tập huấn từ năm 2019 - 2021).

Cuối năm học, Trường tổng hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi về công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo nhằm thu thập ý kiến khách quan làm căn cứ trong việc điều chỉnh nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong năm học tiếp theo (3.5.04 - Báo cáo Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019, 2020, 2021; 1.1.10 - Kế hoạch, Phiếu khảo sát, Bảng tổng hợp số liệu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát về công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến thời điểm tháng 12/2021 số giáo viên cơ hữu giảng dạy môn chuyên ngành Điện là 14, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định (3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp).

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch và tổ chức cho cán bộ, giáo viên nhà trường đi thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động vào dịp hè để bổ sung kiến thức, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nắm bắt được nhu cầu lao động và công nghệ mới (3.6.01 - Quyết định kèm theo Danh sách nhà giáo cơ hữu về việc cử nhà giáo đi tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021).

Căn cứ vào Quyết định, Phòng Kế hoạch - Đào tạo phối hợp cùng khoa Điện - Điện tử tổ chức cho giáo viên tham gia thực tập tại các đơn vị sản xuất có liên quan đến chuyên ngành Điện (3.6.02 - Hồ sơ về việc nhà giáo đi tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các Khoa Xây dựng, Điện - Điện tử, Cơ khí các năm 2019, 2020, 2021 (Biên bản

thoả thuận với doanh nghiệp; Thông báo đăng ký thực hiện các nội dung tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nội dung tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Biên bản nghiệm thu công việc tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Thuyết minh báo cáo kết quả tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp))

Qua đợt đi thực tế trải nghiệm đội ngũ giáo viên có cơ hội tiếp cận, nắm bắt công nghệ sản xuất hiện đại và nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ cho công tác giảng dạy được tốt hơn. Sau mỗi đợt đi trải nghiệm, giáo viên, khoa báo cáo kết quả trải nghiệm (3.6.03 - Báo cáo tổng kết quá trình thực tập tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021).

Kết quả khảo sát ý kiến của các đối tượng có liên quan cho thấy hàng năm 80% giáo viên khoa Điện - Điện tử được đi trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp để cập nhật kiến thức và công nghệ (1.1.01 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại tính đến tháng 12/2021, CTĐT nghề Điện CN trình độ có 03 cán bộ quản lý tham gia trực tiếp (3.1.01- Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp).

Để quản lý Hồ sơ đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên của Khoa, Nhà trường giao cho phòng Tổng hợp thực hiện việc lưu trữ hồ sơ. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý sau khi được bổ nhiệm sẽ được cập nhật, bổ sung để lưu trữ theo quy định (3.1.02 - Hồ sơ đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo Khoa Điện - Điện tử).

Kết quả kiểm tra Hồ sơ cho thấy 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định (1.2.02 - Báo cáo tổng kết năm học của khoa Điện - Điện tử năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại tính đến tháng 12/2021, CTĐT nghề Điện CN trình độ có 03 cán bộ quản lý tham gia trực tiếp (3.1.01- Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp).

Căn cứ các quy định, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức làm căn cứ để đánh giá giáo viên hoàn thành các nhiệm vụ được giao (3.2.01 - Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021).

Để đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên cuối năm Nhà trường đánh giá, xếp loại lao động. Căn cứ vào đó các đơn vị tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tự

xếp loại, Khoa căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân và nhận xét, gửi về phòng Tổng hợp sau đó Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại CBVC, và tổ chức tổng kết khen thưởng hàng năm (3.2.02 - Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020, 2021 của trường).

Lãnh đạo quản lý, nhà giáo thuộc Khoa Điện - Điện Tử căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phát huy tính tự chủ tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi phụ trách, phối kết hợp với các bộ phận có liên quan hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng nguyên tắc quản lý, không chồng chéo, không vượt cấp, vượt quyền (3.2.02 - Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020, 2021 của trường; 3.8.01 - Biên bản hội nghị đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức quản lý năm 2019, 2020, 2021).

Trong những năm qua, 100% cán bộ quản lý và nhân viên khoa Điện - Điện tử hoàn thành nhiệm vụ được giao (1.2.02 - Báo cáo tổng kết năm học của khoa Điện - Điện tử năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: Đạt 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Mở đầu:

Hàng năm nhà trường thường xuyên xây dựng rà soát chỉnh sửa chương trình và giáo trình đào tạo, trong đó các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được xây dựng, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định, thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo, giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

*** Những điểm mạnh:**

Chương trình đào tạo của khoa Điện - Điện Tử được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Các chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân

Giáo trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được tổ chức xây dựng, lựa chọn, thẩm định phê duyệt với quy trình chặt chẽ. Có văn bản phản biện của các thành viên trong Hội đồng nghiệm thu và nhận xét đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, chuyên gia từ các cơ

sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và HSSV về chất lượng từng giáo trình đáp ứng từng bước yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học.

*** Những tồn tại:**

- Chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học chưa được áp dụng tại Trường.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Giai đoạn 2022 - 2023, Nhà trường sẽ tổ chức biên soạn bổ sung những nội dung mới của giáo trình đảm bảo tất cả các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo đều có sự cập nhật.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 4 | 22 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 |
| Tiêu chuẩn 7 | 0 |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 |
| Tiêu chuẩn 9 | 2 |
| Tiêu chuẩn 10 | 2 |
| Tiêu chuẩn 11 | 2 |
| Tiêu chuẩn 12 | 2 |

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động thương binh và xã hội như: Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.

Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng giao cho phòng Kế hoạch - Đào tạo phối hợp với Khoa Điện - Điện tử về việc rà soát, chỉnh sửa, điều chỉnh, biên soạn chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng. Nhà trường ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; đồng thời lập Kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT (4.1.01 - *Quyết định ban hành Quy định về quy trình xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình*; 4.1.02 - *Kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2019,2021*).

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo Nhà trường đã mời các chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và các giáo viên, chuyên gia giàu kinh nghiệm từ các cơ sở đào tạo khác tham gia biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo (4.1.03 - *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.04 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019,2021*).

Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT đã tiến hành biên soạn chương trình đào tạo, chuyển kết quả cho Hội đồng thẩm định đánh giá, phản biện 02 lần, tổ chức hội thảo, lấy ý kiến chuyên gia để đi đến kết luận công nhận chương trình, chuyển Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt ban hành (4.1.05 - *Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.06 - *KH hội thảo + Biên bản lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến chuyên gia xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.07 - *Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.08 - *Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021 (lần 2)*; 1.1.02 - *Quyết định số 758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng*; 4.1.09 - *Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong nhiều năm qua, Nhà trường luôn giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có uy tín để mời tham gia xây dựng, biên soạn chương trình đào tạo để cập nhật kịp thời công nghệ, kiến thức, kỹ năng phù hợp với thực tế theo nhu cầu của thị trường lao động.

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT -BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường thành lập Hội đồng và các tiểu ban biên soạn chương trình cho nghề Điện gồm cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn và các chuyên gia đến từ các đơn vị sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp tham gia góp ý vào chương trình đào tạo vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, năng lực của giáo viên và nhu cầu học tập của xã hội để xây dựng, hoàn thiện chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng phù hợp với mục tiêu đào tạo (4.1.03 - *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.04 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019,2021*).

Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT đã tiến hành biên soạn chương trình đào tạo, chuyển kết quả cho Hội đồng thẩm định đánh giá, phản biện 02 lần, tổ chức hội thảo, lấy ý kiến

chuyên gia để đi đến kết luận công nhận chương trình, chuyên Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt ban hành (4.1.05 - *Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.06 - *KH hội thảo + Biên bản lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến chuyên gia xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.07 - *Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.08 - *Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021 (lần 2)*; 4.1.09 – *Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021*))

Các đối tượng có liên quan đều nhất trí nhận xét: Có sự tham gia ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp – Trình độ cao đẳng (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào thông tư 03/2017/TT- BLĐT BXH ngày 01/03/2017 về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và thông tư 12/TT – BLĐT BXH ngày 20/04/2017 về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, Trường đã ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm 2017 và các năm 2019, 2021 trường tiến hành rà soát, điều chỉnh các CTĐT để cập nhật các quy định mới và cập nhật ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội (1.1.01 - *Quyết định số 758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018*; *Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng*; 4.1.09 – *Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021*).

Tất cả các mô đun, môn học đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được thông qua Hội đồng thẩm định chương trình đánh giá. Chương trình đào tạo thể hiện chi tiết mục tiêu, yêu cầu đầu ra của nghề được xác định rõ ràng, trong đó quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp và hình thức đào tạo; nội dung giảng dạy và cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng MH, MĐ. Trong đó lượng kiến thức được phân bổ: Tổng số môn học - mô đun là 26 với 81 tín chỉ (2153 giờ); 06 Môn học chung với 22 tín chỉ (435 giờ), 6 mô đun - môn học cơ sở ngành với 16 tín chỉ (364 giờ); có 14 mô đun - môn học chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp với 43 tín chỉ (1354 giờ).

Để đáp ứng được chuẩn đầu ra của từng CTĐ, Ban biên soạn CTĐT nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng trong quá trình biên soạn đều tổ chức lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên giảng, đặc biệt là chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp về mức độ phù hợp của lượng kiến thức trong CTĐT nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có thể đủ kiến thức chuyên môn để làm việc (4.1.06 - *KH hội thảo + Biên bản lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến chuyên gia xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.07- *Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.08- *Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021 (lần 2)*; 1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; chương trình đào tạo của nhà trường đã thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học, xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; quy định khối lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được của từng công việc trong mỗi nghề, thể hiện rõ phương pháp và hình thức đào tạo trong từng môn học, mô/đơn để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được xây dựng, biên soạn, thẩm định đúng quy định (4.1.05 - *Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.06 - *KH hội thảo + Biên bản lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến chuyên gia xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.07 - *Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021*; 4.1.08 - *Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021 (lần 2)*; 4.1.09 - *Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021*).

Trong đó thời gian đào tạo với trình độ Cao đẳng được cụ thể như sau: Tổng thời gian thực hiện CTĐT nghề Điện là 2153 giờ: trong đó lý thuyết 516 giờ chiếm tỉ lệ 24%, thực hành 1636 giờ chiếm tỉ lệ 76% CTĐT.

Trình tự các mô đun, môn học được sắp xếp một cách hợp lý đảm bảo tính liên thông chuyển tiếp, bổ trợ cho nhau giữa các môn học. Cụ thể môn lý thuyết chung được giảng dạy trước, đến các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

Trong CTĐT quy định rõ trình tự thực hiện môn học để đảm bảo lượng kiến thức ở các mô đun, môn học có sự liên kết chuyển tiếp kiến thức, giúp HSSV tiếp nhận và thực hiện một cách tốt nhất phù hợp với mục tiêu giáo dục của nghề được Hiệu trưởng phê duyệt.

Để CTĐT đáp ứng được sự phân bổ về thời gian, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ, giáo viên về sự phân bổ thời gian trong CTĐT nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình đào tạo. Nhà trường đặc biệt quan tâm đến trang thiết bị phục vụ đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo nghề Điện Công nghiệp. Hàng năm, phòng thiết bị vật tư phối hợp với khoa Điện - Điện

từ, phòng kế hoạch – đào tạo kiểm tra trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, đáp ứng được nhu cầu học tập của người học đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, mỗi CTĐT đều được gắn liền với việc xây dựng và xác định cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo: và đều được đưa cụ thể vào phần nội dung “**Điều kiện thực hiện môn học**” của mỗi môn học để đảm bảo cho quá trình triển khai giảng dạy đạt hiệu quả (4.1.09 - *Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021*).

Nhà trường khảo sát lấy ý kiến của bộ phận giáo viên giảng dạy trong khoa, chuyên gia trong lĩnh vực này để biết được mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đối với CTĐT. 100% đồng ý đánh giá: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thực hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô đun của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong chương trình chi tiết nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, mỗi mô đun, môn học đều có quy định cụ thể số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn, thời điểm kiểm tra, quy định rõ phương pháp kiểm tra kết thúc môn học, mô đun và các yêu cầu kiểm tra đánh giá kết quả học tập sau khi kết thúc môn học/mô đun ((4.1.09 - *Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021*).

Đối với mỗi môn học, mô đun, quy định rõ phương pháp đánh giá kết quả học tập, năng lực cần đạt được sau khi kết thúc môn học của người học. HSSV sau khi hoàn thành bài thi định kỳ, khi kết thúc môn học, HSSV phải hoàn thành một kỹ năng theo đúng quy định của môn học.

Xây dựng chương trình đào tạo của nghề Điện được sự tham gia của giáo viên có trình độ chuyên môn, ý kiến của doanh nghiệp, ý kiến HSSV chuẩn bị tốt nghiệp về sự phù hợp của phương pháp đánh giá kết quả đối với người học.

Nhà trường khảo sát lấy ý kiến của bộ phận giáo viên giảng dạy trong khoa, chuyên gia trong lĩnh vực này để biết được mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đối với CTĐT. 100% đồng ý đánh giá: Chương trình đào tạo thực hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô đun của chương trình đào tạo (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng, trường đều chú trọng việc đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và cả nước, cập nhật những công nghệ sản xuất tiên tiến, các hình thức sản xuất, dịch vụ hiện đại vào nội dung chương trình đào tạo tất cả các chương trình mô đun, môn học đào tạo nghề Điện được thông qua hội đồng thẩm định chương trình. Hội đồng đánh mức độ phù hợp của chương trình đào tạo đối công nghệ sản xuất hiện tại, phù hợp với sự phát triển của ngành, địa phương và của đất nước được Hiệu trưởng phê duyệt, ra quyết định ban hành.

Trên cơ sở kết quả của việc tiến hành phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh, ngành Xây dựng và kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng lao động hàng năm của các doanh nghiệp, Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo phù hợp (1.1.03 - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Kế hoạch của Công đoàn Xây dựng Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, 2021 - 2022, trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực đối với các nghề Trường đào tạo; (4.1.09 - Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021).

100% những người được hỏi đều đồng ý đánh giá: : Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất dịch vụ (1.1.11- Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học; Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - TB&XH quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng trong GDNN; Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Nhà trường được xây dựng, theo các Thông tư, hướng dẫn nên bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân (1.1.01 - Quyết định số 758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng; 4.1.09 - Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021).

Chương trình dạy nghề Điện công nghiệp của Nhà trường được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo nghề và các trình độ đào tạo khác với quan điểm các trình độ đào tạo phải thể hiện rõ tính kế thừa và phát triển về kiến thức, kỹ năng .

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để đào tạo liên thông. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có hình thức đào tạo liên thông từ cao đẳng lên Đại học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi Ban biên soạn CTĐT của nhà trường xây dựng xong CTĐT, nhà trường tổ chức thẩm định nghiệm thu và phê duyệt, ban hành CTĐT ((4.1.09 - *Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019,2021*).

Đồng thời nhà trường tiến hành rà soát toàn bộ GTĐT và tổ chức biên soạn lại cho phù hợp với quy định và thực tiễn.

Tất cả các môn học chung, các môn khoa học cơ bản và cơ sở nghề, mô đun chuyên ngành đều có giáo trình giảng dạy (4.9.01 *Danh sách thống kê giáo trình ngành điện CN trình độ CĐ năm 2019, 2021*; 4.9.02 - *Các quyết định ban hành GTĐT các modun, môn học năm 2019,2021*). Các môn học chuyên môn nghề có giáo trình do Trường biên soạn (4.9.03 - *Bản in các giáo trình các modun, môn học*). Ngoài ra còn sử dụng, tham khảo giáo trình do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp biên soạn và giáo trình của một số trường cao đẳng nghề có đào tạo các nghề tương ứng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình, Nhà trường tiến hành kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, biên soạn giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo được ban hành. Tất cả giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn thẩm định, ban hành theo đúng quy định của thông tư (4.10.01 - *Kế hoạch xây dựng/lựa chọn GTĐT năm 2019,2021*; 4.10.02 - *Các quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2019,2021*; 4.10.03 - *Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTĐT năm 2019,2021*; 4.10.04 - *Biên bản làm việc của Ban biên soạn GTĐT năm 2019,2021*; 4.10.05 - *KH hội thảo + Biên bản lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến chuyên gia biên soạn GTĐT năm 2019, 2021*; 4.10.06 - *Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021*; 4.10.07 - *Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021 (lần 2)*; 4.10.08 - *Quyết định lựa chọn GTĐT các môn học, modun (nếu có)*).

Công tác rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình được thực hiện khi chương trình đào tạo có thay đổi và được ban hành mới (4.9.01 - *Danh sách thống kê giáo trình*; 4.9.02 - *Các quyết định ban hành GTĐT các modun, môn học năm 2019, 2021*; 4.9.03 - *Bản in các giáo trình các modun, môn học năm 2019,2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 10: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - TB&XH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Tất cả các giáo trình đào tạo nghề Điện đều được xây dựng, ban hành đảm bảo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô - đun, môn học trong CTĐT, nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô - đun, môn học trong chương trình đào tạo. Trong từng môn học có yêu cầu về kiến thức cần đạt được, kỹ năng vận dụng, phương pháp giảng dạy, bài tập liên hệ, bài tập nhóm và hướng dẫn tự học, giúp học sinh vận dụng kiến thức trong bài học được tốt hơn (4.1.09 – Quyết định ban hành CTĐT kèm bộ CTĐT năm 2019,2021)

Tất cả các chương trình đều có đầy đủ giáo trình đào tạo được biên soạn, thẩm định, ban hành đúng quy định (4.9.01 - Danh sách thống kê giáo trình; 4.9.02 - Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học năm 2019, 2021; 4.9.03 - Bản in các giáo trình các modul, môn học; 4.10.06 - Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021; 4.10.07 - Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021 (lần 2)).

Hàng năm nhà trường tiến hành khảo sát người học và nhà giáo, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp để điều chỉnh bổ sung giáo trình đào tạo. Kết quả 95% đồng ý cho rằng: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động TB&XH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Hội đồng nghiệm thu giáo trình giảng dạy, có biên bản thẩm định, phản biện, đánh giá, nghiệm thu, trong đó có nhận xét về mức độ đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (4.1.09 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp năm 2019,2021; 4.9.01 - Danh sách thống kê giáo trình; 4.9.02 - Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học năm 2019,2021; 4.9.03 - Bản in các giáo trình các modul, môn học; 4.10.06 - Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021; 4.10.07 - Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021 (lần 2)).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát người học và nhà giáo, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp để điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo, 96% đồng ý nhận xét: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: Đạt 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Mở đầu:

Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo với hệ thống cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn và đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ

thông thư viện được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập và tra cứu. Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên, giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ giảng viên, tạo điều kiện khai thác và sử dụng hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo.

Khoa Điện - Điện Tử được xây dựng và quy hoạch hợp lý dựa trên mặt bằng tổng thể của trường. Khoa có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, hệ thống các công trình phụ trợ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và sinh viên.

Khoa Điện - Điện Tử được bố trí trên tổng diện tích 2000m², quy mô đào tạo hệ Cao đẳng 360 SV. Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng ngày một khang trang sạch đẹp, đáp ứng công tác đào tạo của nghề.

Trang thiết bị đào tạo được nâng cao và được đầu tư từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia. Hầu hết trang thiết bị giảng dạy và thực hành đúng chủng loại, có chất lượng, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật.

** Những điểm mạnh:*

Xưởng được xây dựng trên khu đất thoáng, rộng rãi, thuận tiện cho SV tham gia học tập. Có đủ các khối công trình phục vụ cho các hoạt động của Khoa; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động.

Nhà trường có đủ các khối công trình phục vụ cho các hoạt động của khoa; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy nghề.

** Những tồn tại và kế hoạch:*

Trong các năm nhà trường đầu tư một số phòng học chuyên môn đáp ứng cho nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên nghề Điện công nghiệp.

Năm 2020 và các năm tiếp theo Nhà trường tiếp tục số hóa chương trình, tài liệu của nghề và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 5 | 14 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |
| Tiêu chuẩn 6 | 0 |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 |

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xây dựng đáp ứng yêu cầu làm việc và giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước được trang bị đầy đủ, hiện đại, các phòng học được đảm

bảo ngăn cách không bị ảnh hưởng tiếng ồn, có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất bảo đảm các yêu cầu an toàn, hệ thống chiếu sáng, thông gió và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường. (5.1.01- *Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường*; 5.1.02 - *Bảng thống kê số lượng, diện tích các phòng học, phòng thực hành, phòng chuyên môn hóa*; 5.1.03 - *Bản thiết kế các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành*).

Căn cứ danh sách SV trúng tuyển và tình hình nhập học của SV, Nhà trường tiến hành phân lớp cho SV và danh sách lớp này được duy trì đến cuối khóa học (2.1.11 - *Các Quyết định mở lớp: các lớp Cao đẳng Điện CN năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 5.1.04 - *Tổng số SV cao đẳng Điện công nghiệp đã quy đổi năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*).

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch của Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Ưông Bí để cung cấp cho hoạt động đào tạo và sinh hoạt trong toàn trường. Nhà trường có 2 bể chứa nước thể tích 250m³ và trạm bơm để bơm nước sinh hoạt lên các bể chứa trên các tòa nhà (mỗi tòa nhà có 02 bể chứa mỗi bể có thể tích 5m³) và cấp nước cho các khối nhà của trường. Tại mỗi tầng của khu nhà 4 tầng, đều có nhà vệ sinh, có vòi lấy nước để phục vụ nhu cầu đào tạo, vệ sinh... (5.1.05 - *Hồ sơ thiết kế hệ thống điện của trường, Hồ sơ thiết kế hệ thống điện nước của khu nhà 4 tầng, Sơ đồ hệ thống cung cấp điện và Biên bản kiểm tra đánh giá mức độ vận hành an toàn hệ thống điện của cơ quan quản lý*; 5.1.06 - *Hồ sơ thiết kế hệ thống cấp, thoát nước của nhà trường, của nhà 4 tầng*; 5.1.07 - *Các hợp đồng cung cấp nước*; 5.1.08 - *Hóa đơn thanh toán tiền nước*).

Hàng năm, phòng Tổng hợp (phụ trách cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường) và khoa Điện - Điện tử đều đánh giá các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo yêu cầu đào tạo (5.1.09 - *Danh mục các thiết bị đào tạo của các phòng lý thuyết, phòng thực hành, phòng chuyên môn hóa và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo*).

Hàng năm, Khoa, Trường tiến hành tổng kết đánh giá; đồng thời tổ chức khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, kết quả 95% nhất trí ghi nhận: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo (1.2.02 - *Báo cáo tổng kết năm học của khoa Điện - Điện tử năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*; 1.2.03 - *Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường CĐN Xây dựng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*; 1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của trình độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình đào tạo. Tất cả các nghề đào tạo của trường đều phải đảm bảo đủ chủng loại thiết bị tối thiểu, đáp ứng được trình độ đào tạo phù hợp với xã hội. Thiết bị đào tạo của trường được hình thành từ

chương trình mục tiêu hàng năm, từ các dự án viện trợ, từ nguồn mua sắm thường xuyên của Trường, đáp ứng đủ về chủng loại và yêu cầu của CTĐT (5.2.01- *Danh mục thiết bị nghề Điện công nghiệp theo từng xưởng; 5.2.02 - Thẻ tài sản tại các xưởng thực hành năm 2019, 2020, 2021; 5.2.03 - Bảng so sánh đối chiếu danh mục thiết bị ĐT hiện có của nghề Điện công nghiệp với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu tại Phụ lục 2b, Thông tư 26/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 25/12/2019 của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng*).

Các trang thiết bị của khoa Điện - Điện tử được quản lý và theo dõi khoa học. Tại các xưởng đều có sổ theo dõi trang thiết bị (5.2.04 - *Biên bản kiểm kê tài sản cố định khoa Điện năm 2019, 2020, 2021*). Định kỳ vào cuối năm nhà trường tiến hành kiểm kê trang thiết bị, tài sản của các khoa, phòng và có báo cáo kết quả kiểm tra trang thiết bị hàng năm (5.2.05 - *Báo cáo kiểm kê TSCĐ, CCDC năm 2019, 2020, 2021; Báo cáo theo dõi tài sản cố định của Phòng KTTC năm 2019, 2020, 2021; 5.2.06 - Báo cáo theo dõi tài sản cố định của Phòng KTTC năm 2019, 2020, 2021*).

Để đánh giá chất lượng, số lượng thiết bị phục vụ công tác học tập và giảng dạy, hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhà giáo và SV về cơ sở vật chất và trang thiết bị, kết quả 100% nhất trí đánh giá: Trường đảm bảo đủ chủng loại, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của trình độ đào tạo (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chuẩn 5: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình đào tạo. Tất cả các nghề đào tạo của trường đều phải đảm bảo đủ chủng loại thiết bị tối thiểu, đáp ứng được trình độ đào tạo phù hợp với xã hội. Thiết bị đào tạo của trường được hình thành từ chương trình mục tiêu hàng năm, từ các dự án viện trợ, từ nguồn mua sắm thường xuyên của Trường, đáp ứng đủ về chủng loại và yêu cầu của CTĐT (5.2.01- *Danh mục thiết bị nghề Điện công nghiệp theo từng xưởng; 5.2.02 - Thẻ tài sản tại các xưởng thực hành năm 2019, 2020, 2021; 5.2.03 - Bảng so sánh đối chiếu danh mục thiết bị ĐT hiện có của nghề Điện công nghiệp với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu tại Phụ lục 2b, Thông tư 26/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 25/12/2019 của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng*).

Các trang thiết bị của khoa Điện - Điện tử được quản lý và theo dõi khoa học. Tại các xưởng đều có sổ theo dõi trang thiết bị (5.2.06 - *Báo cáo theo dõi tài sản cố định của Phòng KTTC năm 2019, 2020, 2021*).

Căn cứ danh sách SV trúng tuyển và tình hình nhập học của SV, Nhà trường tiến hành phân lớp cho SV và danh sách lớp này được duy trì đến cuối khóa học. Trong đó lớp học lý thuyết không quá 35 SV, đối với lớp học thực hành, tích hợp không quá 18 SV (5.3.01 - *Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình CĐ Điện CN năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Căn cứ kế hoạch giảng dạy, tiến độ đào tạo. Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa Điện - Điện tử lập thời khóa biểu của các lớp chuyên ngành, trong đó thể hiện rõ việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường (2.2.04 - *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu các lớp CĐ Điện CN năm học 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhà giáo và SV về cơ sở vật chất và trang thiết bị, kết quả 100% nhất trí đánh giá: Trường đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị máy móc trong các xưởng thực hành được bố trí lắp đặt hợp lý, các thiết bị được bố trí thành các hàng theo chiều dọc nhà, các thiết bị cách nhau hơn 0.5m, lối đi giữa các hàng máy cách nhau 1 m. Với cách bố trí như trên rất thuận tiện và an toàn khi vận chuyển lắp đặt, sửa chữa, vận hành máy và vận chuyển vật tư. Ngoài ra, khoảng cách máy như trên còn đảm bảo tốt sự lưu thông không khí, điều kiện chiếu sáng tự nhiên, giảm thiểu tiếng ồn và ít bị ảnh hưởng bởi rung động. Về mặt sư phạm, việc bố trí các máy như trên tạo ra không gian rộng đáp ứng được tốt hoạt động dạy thực hành như: Tổ chức hướng dẫn thực hành theo nhóm, theo lớp, hay từng cá nhân (5.4.01 - Sơ đồ , bản vẽ, ảnh chụp các phòng học).

Xưởng thực hành được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ bảo đảm lấy được ánh sáng tự nhiên tối đa, thiết bị tại các xưởng được bố trí lắp đặt hợp lý. Trên mỗi thiết bị có nhãn ghi rõ thông tin về thiết bị như: Tên thiết bị, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, tình trạng sử dụng. Nhà trường luôn luôn chú trọng đến công tác thiết kế, lắp đặt các thiết bị dụng cụ để thuận tiện trong quá trình sử dụng nhằm phát huy tối đa công năng của thiết bị cũng như đảm bảo an toàn lao động. Tại các xưởng thực hành có nội quy và thường xuyên được kiểm tra, đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường (5.4.02 - Nội quy xưởng thực hành; 5.2.03 - Báo cáo đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ năm 2019, 2020, 2021).

Nhà trường đã ban hành quy chế về quản lý, sử dụng, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ TSCĐ. Hàng năm, Phòng Tổng hợp điều lập và thực hiện Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị (5.4.04 - Quy chế số/QĐ - TCD ngày 20 tháng 4 năm 2021 về quản lý, sử dụng, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ TSCĐ; 5.4.05 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm; 5.4.06 - Hồ sơ thanh toán bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị hàng năm; 5.4.07 - Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị hàng năm, năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhà giáo và SV về cơ sở vật chất và trang thiết bị, kết quả 95% nhất trí đánh giá: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện, được quản lý, cấp phát sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thực hiện thông tư số 14/2017/TT – BLĐT BXH, ngày 25/5/2017 và thông tư số 08/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 14/08/2018 về việc “ Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp”, Nhà trường đã tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong đó quy định chi tiết về định mức lao động, thiết bị tối thiểu và định mức vật tư. (5.5.01 - QĐ số Số: /QĐ-TCD ngày 20/4/2021 ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, tổ chức quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư - dụng cụ tiêu hao trong thực hành, thực tập tại Trường Cao đẳng nghề Xây dựng).

Đề công tác quản lý, cấp phát thiết bị, vật tư được chặt chẽ, Nhà trường ban hành quy trình mua sắm, cấp phát vật tư; Quy định về định mức tiêu hao vật tư đào tạo (5.5.02- Quy trình mua sắm, cấp phát vật tư; 5.5.03 - Quy định về định mức tiêu hao vật tư đào tạo).

Thực tế những năm qua, Trường đã thực hiện đúng quy trình, quy định về mua sắm, quản lý, cấp phát vật tư. Căn cứ vào thời khoa biểu, giáo viên giảng dạy lập dự trù về số lượng vật tư cần thiết cho modul môn học, Trường khoa duyệt gửi phòng Kế toán - Tài chính. Căn cứ vào dự trù đã được ký duyệt, phòng Tổng hợp cấp phát kịp thời cho khoa để phục vụ công tác giảng dạy (5.5.04 - Hồ sơ mua sắm vật tư phục vụ giảng dạy nghề Điện công nghiệp; 5.5.05 - Biên bản giao nhận vật tư hàng năm; 5.5.06 - Sổ cấp phát vật tư nghề Điện công nghiệp năm học 2018 - 2019; 2019 - 2020, 2020-2021; 5.5.07 - Báo cáo thống kê tình hình quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo năm 2019, 2020, 2021; 5.5.08 - Báo cáo công tác thực hiện định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhà giáo và SV về cơ sở vật chất và trang thiết bị, kết quả còn một số ý kiến đánh giá: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện; được quản lý, cấp phát sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện nhà trường được xây dựng có diện tích 800m² với đầy đủ giáo trình cho tất cả các môn học, trong đó nhiều môn học có cả tài liệu in và tài liệu điện tử.

Hiện nay tại thư viện 4.353 đầu sách, trong đó đầu sách chuyên ngành 1.250 cuốn, 2.336 cuốn sách tham khảo và 125 file đầu sách. Hàng năm thư viện đều bổ sung thêm những giáo trình, tài liệu chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên và học tập của SV. Riêng bản in các tài liệu phục vụ cho ngành Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng là 169 đầu sách trong đó sách chuyên ngành 27 đầu sách, tài liệu tham khảo 142 đầu sách (5.6.01 - *Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được Trường phê duyệt*; 5.6.02 - *Bản in chương trình, giáo trình đã được Trường phê duyệt*; 5.6.03 - *Danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm: tên, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử*; 5.6.04 - *Bản in sách, tạp chí, tài liệu tham khảo*).

Năm 2017 tổng số SV khoa Điện - Điện tử là 338 SV, năm 2018 là 360 SV, năm 2019 là 380 SV (5.6.05 - *Thông kê số lượng học nghề Điện công nghiệp trong 3 năm*). Để thuận tiện cho việc tra cứu giáo trình và tài liệu tham khảo của nghề Điện công nghiệp, Nhà trường đã số hóa trên trang thư viện điện tử để HSSV được cập nhật thường xuyên liên tục những giáo trình, tài liệu tham khảo mới (5.6.06- *Danh sách giáo trình đã được Trường phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện*).

Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử. Bên cạnh đó, các phần mềm quản lý thư viện cũng như quản lý đào tạo, học tập của sinh viên đã được triển khai đã đem lại hiệu quả trong quản lý cũng như giúp cho sinh viên có điều kiện học tập tốt hơn (5.6.07 - *Danh sách giáo trình đã được Trường phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện*; 5.6.08 - *Danh mục tài liệu tham khảo của Trường được số hóa*).

Để đánh giá mức độ đáp ứng của giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ giáo viên và SV và nhận được 95% đồng ý nhận xét: giáo trình, sách, tài liệu tham khảo có đủ phục vụ hoạt động đào tạo (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng Internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện với diện tích 800 m². Phòng tra cứu tài liệu được trang bị hệ thống máy tính và mạng internet thuận tiện cho việc tra cứu giáo trình và tài liệu phục vụ công tác đọc và nghiên cứu của SV và cán bộ giáo viên. Hiện tại, thư viện có trang bị phòng máy tính với số lượng 48 máy (5.7.01 - *Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện năm 2017 -2018, 2018 -2019, 2019 -2020*; 5.7.02 - *Sơ đồ mạng máy tính thư viện*).

Để phục vụ bạn đọc, Nhà trường mới đăng tải tài liệu lên Website mà chưa đầu tư phần mềm chuyên dụng để tra cứu tài liệu.

Trường có nhân sự tổ chức hoạt động thư viện, thư viện phục vụ cho người đọc tất cả các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, bắt đầu từ 7h sáng đến 17h chiều (5.7.05 - *Website của trường, Nội quy thư viện*). Cán bộ giáo viên, HS-SV mượn sách thư viện để nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành, có ghi sổ mượn - trả sách hàng ngày (5.7.06 - *Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử*; 5.7.07 - *Danh mục giáo trình của trường được số hóa*; 5.7.08 - *Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa*; 5.7.09 - *Thông báo giới thiệu sách mới năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 5.7.10 - *Sổ theo dõi đọc*

và mượn tài liệu; 5.7.11 - Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử; 5.7.12 - Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử - Lưu trên thư viện).

Kết thúc năm học bộ phận thư viện báo cáo kết quả hoạt động của thư viện (5.7.13 - Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ giáo viên và SV khoa Điện và nhận được kết quả còn một số ý kiến chưa đồng thuận, cho rằng: Thư viện cần phải được nâng cấp hơn để đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu của CB, GV, HSSV (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường khuyến khích giáo viên trong trường sử dụng phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học, hầu hết tất cả các giáo viên đều ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thông qua các bài giảng điện tử. Nhà trường trang bị các phần mềm mô phỏng ở hầu hết các khoa chuyên môn phục vụ cho hoạt động dạy và học. Các phòng học chuyên môn của trường đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu cảm ứng, máy tính kết nối mạng phục vụ giảng dạy (5.8.01 - Giáo án của các giáo viên các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2021 - 2022).

Hiện tại khoa Điện - Điện tử có trên 85% các mô - đun/môn học nghề Điện CN được sử dụng phần mềm mô phỏng được ứng dụng trong các mô - đun, môn học tại khoa (5.8.02 - Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; 5.8.03 - Hình ảnh các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học).

Nhà trường và khoa Điện - Điện tử luôn khuyến khích giáo viên sử dụng phần mềm mô phỏng trong giảng dạy nhiều hơn, đặc biệt là các modul chuyên ngành.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: Đạt 2 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Mở đầu:

Nhà trường ban hành các văn bản quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy định và hướng dẫn chế độ chính sách,... đối với người học Hàng năm, người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. Nhà trường đã tạo lập được mối quan hệ chặt chẽ giữa các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động của Tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận. Hội chợ việc làm hàng năm được tổ chức tại Trường, giới thiệu cho sinh viên mới tốt nghiệp cơ hội việc làm. Ngoài ra, người

học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định, được chăm sóc sức khỏe y tế, bố trí KTX đảm bảo cho sinh hoạt và học tập, được tạo điều kiện tập luyện thể dục, thể thao và tham gia các hoạt động xã hội khác.

Trường có khu giáo dục thể chất 4500m² bao gồm: sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, bãi tập xà đơn, xà kép... phục vụ HSSV. Phòng Công tác học sinh, sinh viên phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa, văn nghệ vào dịp tổ chức các ngày kỷ niệm, các ngày khai giảng, bế giảng... Nội dung học sinh, sinh viên được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được quy định tại Quy chế công tác học sinh, sinh viên

*** Những điểm mạnh:**

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

*** Những tồn tại:**

Chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện điều tra lần vết HSSV khi ra trường.

Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cho HSSV ở KTX.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tạo dựng môi trường giáo dục xanh, lành mạnh, thân thiện, uy tín.

Phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn, Hội; thường xuyên phát động phong trào thi đua trong học tập và rèn luyện; tổ chức các hoạt động ngoại khóa thiết thực, hiệu quả. Thành lập, tổ chức mô hình các câu lạc bộ hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập và rèn luyện.

- Thực hiện sửa đổi các văn bản liên quan đến công tác HSSV đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Huy động các nguồn hỗ trợ để xây dựng quỹ phúc lợi cho HSSV, đặc biệt quan tâm và có chế độ ưu đãi đối với những HSSV nghèo vượt khó.

- Đẩy mạnh việc rèn luyện kỷ luật lao động và kỹ năng mềm cho HSSV.

- Tăng cường và mở rộng quan hệ với doanh nghiệp để tạo cơ hội việc làm phù hợp cho HSSV trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động học tập và rèn luyện của HSSV.

- Xây dựng quy định về tổ chức tư vấn, hỗ trợ cho HSSV.

- Lập kế hoạch tư vấn, giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 6 | 8 |

| | |
|--------------|---|
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy, đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh sinh viên; quy chế kiểm tra; thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 09/2017/QĐ - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 về việc thực hiện chương trình đào tạo, quy chế về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 17/2017/QĐ –BLĐT BXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành quy chế công tác HSSV. Nhà trường đã cụ thể hóa thành các quy chế của trường bằng quy chế, tài liệu của trường để việc cung cấp thông tin cho người học về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học.

Sau khi nhập học trong tuần học đầu tiên, Nhà trường tổ chức tuần chính trị đầu khóa nhằm giới thiệu đến người học những thông tin chung về nhà trường và cung cấp cho người học về mục tiêu, chương trình, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của từng nghề dưới hình thức lên lớp phổ biến và cung cấp tài liệu cho HSSV (6.1.01 - Các Kế hoạch của Hiệu trưởng về việc tập huấn chính trị hè cho đội ngũ nhà giáo và tổ chức tuần sinh hoạt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Ngoài ra, trong chương trình học HSSV được cung cấp đầy đủ các nội dung về Quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp, các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học, các nội quy, quy chế của Nhà trường qua buổi thi, sinh hoạt lớp, sinh hoạt tập trung, đăng trên website của trường (6.1.02 - Sổ tay học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019, 2019-2020, -2020-2021; 2.5.05 - Quy chế đào tạo trình độ Sơ cấp, trung cấp, cao đẳng; 6.1.03 - Quy chế công tác HSSV; QĐ số 468a/QĐ-TCĐ ngày 01/08/2019 về ban hành Quy chế công tác HSSV; QĐ số 19/QĐ-TCĐ ngày 03/08/2021 về ban hành Quy chế công tác HSSV; 6.1.04 - Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; 6.1.05 - Nội quy và quy định của trường; 6.1.06 - Thông báo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Kết thúc tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, HSSV Khoa viết bài thu hoạch về những nội dung thu nhận được (6.1.07 - Bài thu hoạch chương trình giáo dục đầu khóa của HSSV khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm Nhà trường tổ chức khảo sát giáo viên, HSSV thông qua phiếu khảo sát về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học của Trường đối với nhà giáo, người học, trên website của trường, kết quả 100% HSSV rất hài lòng về việc được cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ quá trình học tập (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6 đạt: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm học qua việc thực hiện các chế độ chính sách, chính sách hỗ trợ và các chính sách xã hội khác được nhà trường thực hiện nghiêm túc theo các quy định hiện hành. Nhà trường cung cấp cho HSSV đầy đủ thông tin về chế độ, chính sách (6.1.07 - *Thông báo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Nhà trường luôn quan tâm và hỗ trợ cho HSSV được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Phòng Kế toán - Tài chính luôn tục cập nhật chính sách, hướng dẫn HSSV hoàn thiện hồ sơ để được hưởng theo quy định (6.2.02 - *Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ sinh viên hằng năm; Chi tiết quyết toán cấp bù học phí cho sinh viên theo nghị định 86/2015/NĐ-CP hằng năm; 6.2.03 - Bảng thống kê Các chế độ thực hiện chính sách ưu đãi đối với HSSV trong nhà trường; 6.2.04 - Quyết định HSSV hưởng chính sách nội trú năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 6.2.05 - Danh sách SV đối tượng chính sách được miễn phí ở KTX*).

Trung tâm Tư vấn Hướng nghiệp và Dịch vụ đào tạo luôn hỗ trợ HSSV trong việc xác nhận, theo dõi HSSV hưởng các chế độ, chính sách (6.2.05 - *Sổ theo dõi xác nhận các chế độ chính sách HSSV năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác HSSV, Quy chế Chi tiêu nội, trong đó có quy định cụ thể về chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với HSSV đạt kết quả cao trong học tập. Hằng năm, Trường đã khen thưởng cho những HSSV đạt xếp loại tốt nghiệp Giỏi (6.1.04 - *QĐ số 468a/QĐ-TCD ngày 01/08/2019 về ban hành Quy chế công tác HSSV; QĐ số 19/QĐ-TCD ngày 03/08/2021 về ban hành Quy chế công tác HSSV; 6.2.06 - Quyết định khen thưởng HSSV đính kèm Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020.2021*).

Hàng năm, Trường tổng kết và khảo sát HSSV về thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời trong quá trình học tập. Kết quả điều ghi nhận: Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập (1.2.03 - *Báo cáo tổng kết của Trường năm 2019, 2020, 2021; 1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: đạt 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tư vấn việc làm sau khi tốt nghiệp là một trong những công tác được Nhà trường quan tâm đặc biệt. Hàng năm, Nhà trường giao cho Trung tâm Tư vấn HN và DVĐT của Trường phối hợp cùng các phòng khoa, doanh nghiệp để thực hiện tư vấn cung cấp thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp để sinh viên nắm bắt kịp thời cơ hội việc làm sau khi tốt

nghiệp. Định kỳ, Nhà trường tổ chức phiên giao dịch việc làm để sinh viên tiếp cận được với các doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng. Thông qua phiên giao dịch việc làm, Nhà trường nắm bắt được nhu cầu, yêu cầu trình, kỹ năng, chuyên môn của sinh viên mà doanh nghiệp, từ đó có những điều chỉnh trong đào tạo.

Trung tâm Tư vấn HN và DVĐT là đơn vị trực thuộc trường, có chức năng nhiệm vụ tuyển sinh và tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp, liên hệ với các công ty, doanh nghiệp tổ chức sàn giao dịch việc làm và tư vấn, giới thiệu việc làm cho hàng trăm sinh viên (6.3.01- *Kế hoạch tư vấn việc làm cho HS sau khi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021*)

Trung tâm Tư vấn HN và DVĐT triển khai tư vấn việc làm sau khi tốt nghiệp trên cơ sở thông tin tuyển dụng của Các DN (6.3.02 - *Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020*). Kết quả, trong các năm qua 100% HSSV được tư vấn việc làm (6.3.03 - *Báo cáo thực hiện công tác tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Nhà Trường ký Biên bản thỏa thuận hợp tác về việc liên kết đào tạo nghề, trong đó có nội dung giới thiệu việc làm cho HSSV. Đồng thời, hàng năm, Trường đã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm - Sở lao động - Thương binh và Xã hội Quảng Ninh tổ chức cho học sinh sinh viên năm cuối và HSSV vừa tốt nghiệp tham gia Hội chợ việc làm. Kết quả, mỗi năm giới thiệu cho DN tuyển dụng được từ 15-35HSSV (6.3.04 - *BB thỏa thuận hợp tác về việc liên kết đào tạo nghề giữa Nhà Trường với doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*; 6.3.05 - *Kế hoạch tổ chức hoặc phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm giữa Nhà Trường với doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*; 6.3.06 - *Danh sách các công ty tham gia hội trợ việc làm hàng năm*; 6.3.07 - *Báo cáo kết quả tổ chức hoặc phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm hàng năm*; 6.3.08 - *Danh sách sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường tư vấn việc làm gửi các Doanh nghiệp*).

100% HSSV được hỏi đều trả lời: Hàng năm Trường cung cấp cho HSSV các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6 đạt: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ các khu thể thao trong nhà, hội trường, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân thể dục thể thao (khu thể thao ngoài trời), tạo điều kiện hoạt động học tập các môn học giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội hàng năm. Các công trình có hệ thống đường giao thông nội bộ nên rất thuận tiện cho việc di chuyển giữa các khu giảng đường (6.4.01 - *Phối cảnh minh họa quy hoạch tổng thể trường*; 6.4.02 - *Báo cáo thông tin khu thể thao, khu văn hóa văn nghệ và hoạt động thể thao văn hóa, văn nghệ của trường*; 6.4.03 - *Ảnh chụp khu sân chơi, bãi tập, khuôn viên của nhà trường*).

Hoạt động văn hoá, văn nghệ thể dục thể thao và các hoạt động phong trào được nhà trường xác định là sân chơi chính, bổ ích, lành mạnh giúp HSSV rèn luyện năng khiếu, kỹ năng và gắn kết HSSV với nhau sau những giờ học căng thẳng. Đây cũng là công cụ hiệu

quả để tuyên truyền chính sách pháp luật và giáo dục kỹ năng cho HSSV. Chính vì thế, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao nhận được rất nhiều sự quan tâm từ lãnh đạo nhà trường. Hàng năm, nhà trường tổ chức cho học HSSV tham gia các buổi sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao vào các dịp lễ lớn như ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3; Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 thu hút được đông đảo HSSV toàn trường tham gia (6.4.04 - *Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ hàng năm kèm theo video clip + Hình ảnh hội diễn văn nghệ 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*; 6.4.05 - *Kế hoạch tổ chức thi đấu thể dục thể thao kèm theo cờ, cúp lưu niệm, giấy khen các loại*).

Kết quả hoạt động của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong trường đều được cụ thể hóa trong Báo cáo tổng kết năm học (6.4.06 - *Báo cáo tổng kết chương trình công tác đoàn và phong trào đoàn thanh niên năm học 2018 - 2019; 2019 - 2020, 2020-2021*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, người học đã tốt nghiệp và 100% hài lòng: Trường thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6 đạt: 2 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Mở đầu:

Với mục đích thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của nhà trường. Từ đó căn cứ điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với yêu cầu xã hội. Hàng năm, nhà trường có khảo sát đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh hoặc một số tỉnh lân cận. Hiện nay Nhà trường đang thực hiện chương trình khảo sát lần vết, khảo sát các doanh nghiệp sử dụng lao động đã tốt nghiệp của Trường về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và khảo sát sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ. Thông qua kết quả khảo sát nhà trường nắm bắt được mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp, với kết quả trên nhà trường có kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình về kiến thức, kỹ năng cho người học để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. Thực hiện khảo sát HSSV sau tốt nghiệp bằng liên lạc qua điện thoại, zalo... thông qua kết quả khảo sát người học sau 6 tháng tốt nghiệp tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đạt trên 80%.

**** Những điểm mạnh:***

Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, có trên 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

*** Những tồn tại:**

Thu thập các ý kiến các đơn vị sử dụng lao động, nhà giáo, cán bộ quản lý, người học chưa nhiều.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Năm 2021 và các năm tiếp theo nhà trường lập kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến đảm bảo đủ số lượng theo quy định

Điểm đánh giá tiêu chí 7

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 7 | 16 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 |

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đánh giá chất lượng đào tạo thông qua khảo sát ý kiến của doanh nghiệp để đánh giá mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp đang tham gia làm việc tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá sự phù hợp của Chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Nhà trường giao cho Trung tâm Tư vấn HN và DVĐT lập và thực hiện kế hoạch khảo sát ý kiến 16 doanh nghiệp năm 2019,2020 và 17 doanh nghiệp năm 2021 có SV của Trường đang làm việc bằng phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Phiếu khảo sát (7.1.01 - Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, kèm theo danh sách người học đang làm việc tại Doanh nghiệp)

Kết quả khảo sát từ năm 2019 đến năm 2021 cho thấy các doanh nghiệp hài lòng về trình độ, kỹ năng, tác phong của SV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7 : Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trung tâm Tư vấn HN và DVĐT xây dựng kế hoạch khảo sát lần vết đối với HSSV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của HSSV tốt nghiệp.

Trung tâm thực hiện chọn mẫu trên Danh sách HSSV tốt nghiệp để lựa chọn số HSSV khảo sát. Kết quả trên 90% HSSV trả lời ở mức độ hài lòng và rất hài lòng về việc làm, về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của HSSV tốt nghiệp (2.4.08 - *Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp nghề điện công nghiệp năm 2019,2020,2021*; 7.2.01 - *Danh sách người học tốt nghiệp ngành Điện CN trình độ CĐ được lấy ý kiến năm 2020,2021*; 1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến đóng góp của CBGV, NV về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo để từng bước điều chỉnh các chế độ chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo viên chức và người lao động sát vào thực tế trong tình hình mới. Ban giám hiệu Nhà trường chỉ đạo các phòng chức năng xây dựng kế hoạch tổ chức góp ý, điều chỉnh bổ sung về các quy định, chính sách của trường và gửi bản dự thảo các quy chế đến các đơn vị để xin ý kiến góp ý. Sau khi các đơn vị tiến hành họp và góp ý, Phòng chức năng tiến hành tổng hợp các ý kiến đóng góp của các đơn vị để đưa vào các quy định, chính sách của trường trong năm tiếp theo.

Để có cơ sở lựa chọn và áp dụng kết quả khảo sát, hàng năm Nhà trường tiến hành phân tích và đánh giá thông qua bản Báo cáo kết quả việc khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về chất lượng của các phương thức đào tạo so với mục tiêu đã đề ra. Qua đó trường đã đúc kết rằng các phương thức tổ chức đào tạo trường đang thực hiện phù hợp với nhu cầu người học, trường sẽ tiếp tục phổ biến cho các giáo viên mới nắm được các phương thức đào tạo mà trường đang áp dụng (7.3.01- *Danh sách nhà giáo ngành Điện CN, CBQL viên chức và người lao động năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.02 - *Danh sách nhà giáo, CBQL viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm 2019, 2020, 2021*).

Việc thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức thể hiện tính dân chủ trong Trường và được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch đã được duyệt (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Trên cơ sở kết quả của báo cáo kết quả khảo sát, Nhà trường có những điều chỉnh kịp thời các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm cải thiện chất lượng đào tạo, hàng năm, Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch lấy ý kiến người học đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học.

Để có cơ sở lựa chọn và áp dụng kết quả khảo sát, hàng năm Nhà trường tiến hành chọn mẫu số HSSV đang học để khảo sát trực tiếp bằng Phiếu khảo sát (7.3.01- *Danh sách người học ngành Điện CN trình độ CĐ năm 2019,2020,2021*; 7.3.02 - *Danh sách người học ngành Điện CN trình độ CĐ được lấy ý kiến năm 2019,2020,2021*).

Việc thu thập ý kiến của HSSV thể hiện sự tôn trọng người học của Trường và được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch đã được duyệt (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Trên cơ sở kết quả của báo cáo kết quả khảo sát, Nhà trường có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào thông tư 15/2017/TT- BLĐT BXH ngày 8/6/2017 quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường triển khai công tác tự đánh giá chất lượng chương trình nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (7.5.01 - *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của trường năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, Trường thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, triển khai tự đánh giá chất lượng, nộp báo cáo kết quả về Cục GDNN đúng thời gian quy định (7.5.02- *Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của trường năm 2019, 2020, 2021*; 7.5.03 - *Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng + Biên bản họp thông qua báo cáo TĐG năm 2019, 2020, 2021*; 7.5.04 - *Báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN trường năm 2019, 2020, 2021*).

Nhà trường tự nhận đã thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)

Mô tả, phân tích và nhận định:

Trong những năm qua Nhà trường luôn quan tâm đến công tác tự kiểm định chất lượng và xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng..

Hàng năm, Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đánh giá chất lượng CTĐT các nghề trong đó có nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng.

Trong báo cáo tự đánh giá năm 2018, 2019, 2020 của CTĐT nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng với những nội dung còn hạn chế, tồn tại, Nhà trường, khoa Điện - Điện tử đã xác định và đưa vào kế hoạch hành động khắc phục trong các năm tiếp theo để từng bước hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng đào tạo (7.6.01 - Kế hoạch khắc phục các tiêu chuẩn không đạt trong các tiêu chí tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Điện CN năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, Khoa Điện - Điện tử đều tổng kết, báo cáo công tác đào tạo. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã tổng hợp cụ thể việc thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của Trường (7.6.02 - Báo cáo thực hiện khắc phục các tiêu chuẩn không đạt năm 2019, 2020, 2021).

Trường xác định đây là công việc trọng tâm, thường xuyên và lâu dài để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường mỗi năm.

Đến hết năm 2021, Trường chưa thực hiện đánh giá ngoài.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Nhà trường luôn quan tâm đến chất lượng, hiệu quả, hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy của giảng viên. Thông qua Khảo sát lần vết hàng năm, nhà trường đã ghi nhận và đánh giá người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 06 tháng từ khi tốt nghiệp.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra lần vết đối với 100% HSSV tốt nghiệp (1.1.11 - Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Nhà trường luôn đa dạng hóa các hình thức lần vết nhằm khảo sát được nhiều nhất thông tin phản hồi của người học, khi người học chuẩn bị tốt nghiệp Trung tâm Tư vấn Hướng nghiệp và Dịch vụ việc làm thực hiện khảo sát cơ bản để lấy thông tin liên hệ của người học. Sau 5 đến 6 tháng HSSV tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành khảo sát bằng Phiếu hỏi trực tiếp hoặc gửi Phiếu hỏi qua đường bưu điện, qua email, facebook, zalo và mời tham gia khảo sát online (2.4.08 - Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp nghề điện công nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

Kết quả khảo sát cho thấy: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, có trên 85% HSSV có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo (7.7.01 - Danh sách người học tốt nghiệp ngành Điện CN sau 6 tháng được lấy ý kiến năm 2019, 2020, 2021).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 7: Đạt 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Hàng năm, Trung tâm Tư vấn Hướng nghiệp và Dịch vụ đào tạo xây dựng kế hoạch khảo sát điều tra đơn vị sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với HSSV trường Cao đẳng nghề Công nghiệp sau khi tốt nghiệp làm tại đơn vị về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của SV đã tốt nghiệp đang làm việc trong công ty, doanh nghiệp (7.1.01 - *Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, kèm theo danh sách người học đang làm việc tại Doanh nghiệp*).

Sau khi xác định được mục tiêu nội dung và đơn vị thực hiện khảo sát, nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát theo phương pháp phát phiếu khảo sát trực tiếp hoặc gọi điện thoại, dùng các mạng xã hội như zalo, khảo sát trên website... để thu thập thông tin (1.1.11 - *Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Qua kết quả khảo sát cho thấy 85% doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 7: Đạt 2 điểm

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo nghề Điện trong giai đoạn 2015-2020

- Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học đáp ứng được nhu cầu của người học và xã hội.

- Tăng cường và hoàn thiện đội ngũ giáo viên của khoa Điện về chuyên môn, tin học và ngoại ngữ.

- Đáp ứng được nhu cầu của giáo viên và học sinh về giáo trình, tài liệu tham khảo.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh trong trường.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng công nghệ hóa (có kết hợp sử dụng các thiết bị nghe nhìn)

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình nghề Điện theo chuẩn quốc tế.

2. Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025

2.1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành và chuẩn quốc tế.

2.2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp. Hiện nay, khoa có 9 thạc sĩ, 5 đại học. Phân đầu đến năm 2025 có 5 – 10% có trình độ tiến sĩ, 70% cán bộ giáo viên sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ, 100%, giáo viên sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm ứng dụng, 100% giáo viên chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ sư phạm.

2.3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác nghiên cứu khoa học của giáo viên và sinh viên khoa chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho giáo viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi các thiết bị tự làm.

Tăng cường phát triển các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy trong thực tế, giúp HSSV có thể tiếp cận kiến thức tốt hơn và khơi dậy sáng tạo cho HSSV.

2.4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của HSSV và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HSSV có thể tiếp cận được với kiến thức và cộng với trong nước và quốc tế.

Chương trình đào tạo nghề điện phải đảm bảo liên thông giữa các trình độ từ trung cấp lên cao đẳng và đại học

2.5. Về công tác học sinh sinh viên

Tạo môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên tích cực trong học tập và sáng tạo tiếp cận với nghiên cứu khoa học. HSSV phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và

trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho sinh viên trong nước và quốc tế. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Điện của Trường CĐN Xây dựng.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tổng cục giáo dục nghề nghiệp

- Trang bị cho các Trường trang bị cơ sở vật chất, thiết bị có trình độ công nghệ phù hợp với CTĐT và theo kịp với trình độ sản xuất của doanh nghiệp;
- Tạo điều kiện cho Trường mở rộng liên kết đào tạo trong nước và quốc tế để có điều kiện cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT

2. Đối với cơ sở

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ giảng viên trẻ.
- Có nhiều chính sách, biện pháp hơn nữa khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học
- Cần áp dụng phương pháp tạo cơ chế liên thông đào tạo thông thoáng, có như vậy người học khi chọn học sẽ biết được mình có cơ hội được học liên thông lên trình độ cao hơn mà không bị khó khăn, trở ngại. Đó cũng là con đường để người học yên tâm rằng học xong, có việc làm, mức lương và kinh nghiệm tích lũy rồi vẫn có thể được học liên thông lên để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Thị Hoài

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-BLĐTBXH ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng năm 2021

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phòng, Khoa, Trung tâm, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu phó (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT; P. KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài

DANH SÁCH
Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
ngành Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 726^a /QĐ-TCD ngày 10/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng)

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Phân công nhiệm vụ |
|------------|------------------------|---|---------------------------|
| 1. | Bà: Nguyễn Thị Hoài | Hiệu trưởng | Chủ tịch |
| 2. | Ông: Vũ Xuân Quyên | Phó Hiệu trưởng | Phó chủ tịch |
| 3. | Bà: Vũ Thị Thơ | Trưởng khoa Điện – Điện Tử | Thư ký |
| 4. | Bà: Phạm Thị Minh Thư | Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL | Thành viên |
| 5. | Bà: Phạm Thanh Hải | Trưởng phòng KH - ĐT | Thành viên |
| 6. | Bà: Nguyễn Thị Nhàn | Trưởng phòng Tài chính – Kế toán | Thành viên |
| 7. | Ông: Nguyễn Như Minh | Chủ tịch Công đoàn Trưởng phòng Tổng hợp | Thành viên |
| 8. | Bà: Lý Thị Thu Hiền | Giám đốc Trung tâm tư vấn HN và Dịch vụ đào tạo | Thành viên |
| 9. | Ông: Đinh Thành Hưng | Bí thư Đoàn Thanh niên | Thành viên |
| 10. | Ông: Trần Hữu Phúc | Công ty TNHH 1 thành viên Phan Quang Quảng Ninh | Giám đốc |
| 11. | Ông: Nguyễn Thành Công | Giám đốc Trung tâm TV và XD | Thành viên |

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng 2021

Căn cứ Kế hoạch tổng thể kiểm định chất lượng giáo dục nghề Điện công nghiệp giai đoạn 2020 – 2025 của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng.

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng chỉ đạo xây dựng kế hoạch Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.

- Đánh giá Chương trình đào tạo thông qua các minh chứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Lao động – Thương binh Xã hội ban hành để chỉ ra mặt mạnh, mặt còn hạn chế. Từ đó, xây dựng kế hoạch và đưa ra giải pháp khắc phục nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đã đạt được. Từ đó, thực hiện đánh giá ngoài chương trình đào tạo đạt chương trình đào tạo chất lượng cao.

2. Công cụ tự đánh giá

- Áp dụng biểu mẫu báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Phụ lục 04 Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Sử dụng “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trường Cao đẳng” Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện Tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2 Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình tự đánh giá chất lượng, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi về Sở Lao động TB và XH; Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục GDNN.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Hiệu trưởng nhà trường Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Hội đồng có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự đánh giá chất lượng theo các tiêu chí được phân công và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường;
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ nhà trường và gửi báo cáo về Sở LĐ-TBXH; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đúng thời hạn quy định;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại trường.

4.2. Đối với Khoa Điện – Điện Tử

- Khoa Điện - Điện Tử chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp;
- Thực hiện kế hoạch Tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; đánh giá ngoài nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trường cao đẳng” của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được và cho điểm từng tiêu chuẩn, tiêu chí; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo mẫu;
- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng thông qua.

4.3. Đối với các đơn vị trực thuộc trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng (Kèm theo công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019) cung cấp cho khoa Điện – Điện Tử.

5. Phân công các đơn vị phụ trách thực hiện

5.1. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Công việc |
|----|--|---------------------|---------------------------------|--------------|
| I | Nội dung báo cáo - Phần I: Giới thiệu về cơ sở giáo dục nghề nghiệp; | Khoa Điện – Điện Tử | Phòng Tổng hợp Phòng KH – ĐT | Viết báo cáo |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Công việc |
|--------------|---|----------------------|--|---|
| | - Phần II: Kết quả tự đánh giá của nghề Điện công nghiệp | | Khoa KT&ĐBCL Trung tâm TVHN&DVĐT | |
| II | Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý, tài chính | | | <p>- Thực hiện việc rà soát, cập nhật bổ sung minh chứng (MC) của từng tiêu chuẩn trong mỗi tiêu chí.</p> <p>- So sánh và đối chiếu các MC để ghi vào bảng mã minh chứng.</p> <p>- Viết mô tả tiêu chuẩn, cập nhật minh chứng theo mẫu: + Đúng nội hàm. + Phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân + Đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị</p> <p>- Gửi hội đồng Kiểm định chất lượng</p> |
| 1. | Tiêu chuẩn 1, 2 | Khoa Điện - Điện Tử | Phòng KH-ĐT | |
| 2. | Tiêu chuẩn 3 | Phòng TC-KT | Khoa Điện - Điện Tử | |
| III | Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo | | | |
| 1. | Tiêu chuẩn 1 | TT Tư vấn HN và DVĐT | Phòng KH-ĐT | |
| 2. | Tiêu chuẩn 2, 3, 4, 7 | Phòng KH-ĐT | Khoa Điện - Điện Tử; Phòng KT & ĐBCL; Phòng tổng hợp | |
| 3. | Tiêu chuẩn 5, 6 | Phòng KT & ĐBCL | Khoa Điện - Điện Tử; Phòng KH-ĐT | |
| IV | Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý nhân viên | | | |
| 1. | Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 5, 7 | Phòng KH-ĐT | Khoa Điện - Điện Tử; Phòng KT & ĐBCL; Phòng tổng hợp | |
| 2. | Tiêu chuẩn 4, 6, 8 | Khoa Điện - Điện Tử | Phòng KH-ĐT | |
| VI | Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình | | | |
| 1. | Tiêu chuẩn 1, 2 | Phòng KH-ĐT | Khoa Điện - Điện Tử | |
| 2. | Tiêu chuẩn 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 | Khoa Điện - Điện Tử | Phòng KH-ĐT | |
| VI I | Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | | | |
| 1. | Tiêu chuẩn 1 | Phòng Tổng hợp | Khoa Điện - Điện Tử | |
| 2. | Tiêu chuẩn 2, 3, 4, 5, 6, 8 | Khoa Điện - Điện Tử | Phòng Tổng hợp | |
| 3. | Tiêu chuẩn 7 | Phòng KH-ĐT | Khoa Điện - Điện Tử | |
| VI II | Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học | | | |
| 1. | Tiêu chuẩn 1, 2 | Khoa Điện - Điện Tử | Phòng KH-ĐT | |
| 2. | Tiêu chuẩn 3 | TT Tư vấn HN và DVĐT | Phòng KH-ĐT; Khoa Điện - Điện Tử | |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Công việc |
|-----------|--|----------------------|---------------------|-----------|
| 3. | Tiêu chuẩn 4 | Đoàn TN | Khoa Điện - Điện Tử | |
| XI | Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng | | | |
| 1. | Tiêu chuẩn 3, 4, 5, 6 | Phòng KT & ĐBCL | Khoa Điện - Điện Tử | |
| 2. | Tiêu chuẩn 2, 7 | Phòng KH-ĐT | Khoa Điện - Điện Tử | |
| 3. | Tiêu chuẩn 1; 8 | TT Tư vấn HN và DVĐT | Phòng KH-ĐT | |

Ghi chú:

Minh chứng được mã hóa đúng, đủ số lượng theo yêu cầu của từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Các đơn vị gửi minh chứng bản gốc và file điện tử về phòng KT & ĐBCL.

6. Thời gian thực hiện tổng thể

| Thời gian | Nội dung công việc | Đơn vị thực hiện |
|------------------------------|---|--|
| Từ 02/8/2021 đến 13/8/2021 | Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng, trình ký Hiệu trưởng | Khoa Điện – Điện Tử |
| Từ 16/8/2021 đến 20/11/2021 | - Thu thập, phân tích, xử lý thông tin, minh chứng - Đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn. Viết báo cáo theo Phụ lục 01, 02 | Các đơn vị được phân công |
| Từ 19/11/2021 đến 26/11/2021 | Các đơn vị gửi bản điện tử nội dung được phân công theo mẫu về Phòng KT&ĐBCL. | Các đơn vị được phân công |
| Từ 29/11/2021 đến 03/12/2021 | Tổng hợp báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN | Khoa Điện – Điện Tử |
| Từ 06/12/2021 đến 09/12/2021 | Lấy ý kiến các đơn vị liên quan | Khoa Điện – Điện Tử |
| Từ 10/12/2021 đến 13/12/2021 | Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng | Hội đồng đánh giá, Phòng KT & ĐBCL |
| Từ 14/12/2021 đến 20/12/2021 | Hoàn thành báo cáo tự đánh giá của trường, công khai kết quả tự đánh giá và gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - TB và xã hội. | Khoa Điện – Điện Tử Phòng KT & ĐBCL |

Yêu cầu chung:

- Báo cáo kết quả tự đánh giá được trình bày trên giấy A4, cỡ chữ 13; Căn đều hai bên.
- Định lề: Lề trái: 3cm; Lề phải: 1.5cm; ; Lề trên: 2cm; Lề dưới: 2cm

- Cách dòng 1.0 (single); Before 6pt; after 0pt.

7. Triển khai thực hiện

Đề nghị trường các đơn vị rà soát, phân công công việc cụ thể đảm bảo đúng tiến độ. Các đơn vị chủ động phối kết hợp, tạo điều kiện cung cấp đầy đủ thông tin để thực hiện báo cáo và xây dựng minh chứng.

Hội đồng Tự đánh giá và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch.

Khoa Điện - Điện Tử gửi bản điện tử Dự thảo báo cáo Tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng qua email phongktvdbclcdxd@gmail.com ngày 27/10/2021.

Phòng Tài chính – Kế toán chuẩn bị kinh phí thực hiện tự đánh giá; đánh giá ngoài chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp.

Yêu cầu các Phòng, Khoa, Trung tâm, đoàn thể trong nhà trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- Các PHT;
- Các phòng, khoa, trung tâm;
- Công Đoàn, Đoàn TN;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 1. | 1 | 1 | 1.1.02 | | Quyết định số 758/QĐ-TCĐ ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 2. | | | 1.1.02 | | QĐ số 07/QĐ-TCĐ ngày 20/4/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng (Quy chế kèm theo) |
| 3. | | | 1.1.03 | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Kế hoạch của Công đoàn Xây dựng Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, 2021 - 2022, trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực đối với các nghề Trường đào tạo. |
| 4. | | | 1.1.04 | | Đề án thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được xây dựng trên cơ sở đề án phát triển nguồn nhân lực của ngành Xây dựng đến năm 2020 |
| 5. | | | 1.1.05 | | Thông báo tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 6. | | | 1.1.06 | | Mục tiêu CTĐT nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng ban hành năm học 2017-2018 (kèm theo Quyết định ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018) |
| 7. | | | 1.1.07 | | http://caodangnghexaydung.edu.vn |
| 8. | | | 1.1.08 | | Báo cáo kết quả rà soát mục tiêu của CTĐT năm học 2018, 2019, 2020 |
| 9. | | | 1.1.09 | | Các Quyết định ban hành Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng (đã được rà soát, điều chỉnh) năm 2019, 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 10. | | | 1.1.11 | | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 11. | 1 | 2 | 1.2.01 | | Quyết định số/QĐ-TCD ngày..... của Hiệu trưởng trường CDN Xây dựng về việc giao nhiệm vụ cho Khoa Điện - Điện tử, Phòng Kế hoạch - Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ cao đẳng |
| 12. | | | 1.2.02 | | Báo cáo tổng kết năm học của khoa Điện - Điện tử năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 13. | | | 1.2.03 | | Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường CDN Xây dựng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 14. | | | 1.2.04 | | Các Quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen đối với tập thể, cá nhân khoa Điện - Điện tử |
| 15. | 1 | 3 | 1.3.01 | | Quyết định số 497a/QĐ-TCD ngày 28/6/2020 của Hiệu trưởng Trường CDN Xây dựng về việc ban hành định mức chi tối thiểu cho một người học |
| 16. | | | 1.3.02 | | Quyết định giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2019, 2020, 2021 |
| 17. | | | 1.3.03 | | Quyết định về việc ban hành mức thu học phí của trường năm 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 18. | | | 1.3.04 | | Báo cáo công khai công tác tài chính tại Hội nghị công chức, viên chức năm 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 19. | | | 1.3.05 | | Báo cáo về công tác đào tạo Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021 |
| 20. | | | 1.3.06 | | Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 21. | 2 | 1 | 2.1.01 | | Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2019,2020, 2021 |
| 22. | | | 2.1.02 | | Quyết định ban hành quy định về công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021 |
| 23. | | | 2.1.03 | | Quyết định về việc Xác định chỉ tiêu tuyển sinh 2019, 2020, 2021 |
| 24. | | | 2.1.04 | | QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký HĐ tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 25. | | | 2.1.05 | | Các kế hoạch tuyển sinh, tờ bướm, thông báo tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 26. | | | 2.1.06 | | Danh sách HSSV đăng ký học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 27. | | | 2.1.07 | | Hồ sơ đăng ký học của học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 28. | | | 2.1.08 | | Biên bản họp sơ tuyển, xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 29. | | | 2.1.09 | | Danh sách HSSV trúng tuyển các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 30. | | | 2.1.10 | | Quyết định trúng tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 31. | | | 2.1.11 | | Quyết định mở lớp (có Danh sách HS kèm theo) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 32. | | | 2.1.12 | | Báo cáo tổng kết Trung tâm hướng nghiệp và dịch vụ đào tạo năm 2019,2020,2021 |
| 33. | | | 2.1.13 | | Kế hoạch thanh tra, Biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 34. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 35. | 2 | 2 | | 1.1.02 | Quyết định số 758/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|-----|----------|------------|---------------|---|--|
| | | | | | ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 36. | | | 2.2.01 | | Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 37. | | | 2.2.02 | | Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 38. | | | 2.2.03 | | Sổ lên lớp các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 39. | | | 2.2.04 | | Giáo án các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 40. | | | 2.2.05 | | Sổ tay giáo viên các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 41. | | | 2.2.06 | | Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ năm học 2018-2019, 2019 - 2020, 2020-2021 |
| 42. | | | 2.2.07 | | Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 43. | | | 2.2.08 | | Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) của trường các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 44. | | | 2.2.09 | | Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 45. | 2 | 3 | | 1.1.02 | Quyết định số 758/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 46. | | | | 2.2.01 | Các Kế hoạch đào tạo năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 47. | | | | 2.2.02 | Các Tiến độ đào tạo năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 48. | | | | 2.2.03 | Các Kế hoạch nhà giáo năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 49. | | | | 2.2.04 | Giáo án các lớp năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|---|
| 50. | | | | 2.2.05 | Sổ tay giáo viên các lớp năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 51. | | | 2.3.01 | | Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của HSSV năm 2019, 2020, 2021 |
| 52. | | | 2.3.02 | | Các biên bản dự giờ nhà giáo - khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021 |
| 53. | | | 2.3.04 | | Danh sách tổng hợp danh mục các thiết bị và phần mềm mô phỏng phục giảng dạy năm 2019, 2020, 2021 |
| 54. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 55. | 2 | 4 | | 1.1.02 | Quyết định số758/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 56. | | | 2.4.01 | | Hợp đồng với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021 |
| 57. | | | 2.4.02 | | Công văn đề nghị tiếp nhận học sinh thực tập tại các doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 58. | | | 2.4.03 | | Quyết định cử HSSV đi thực tập, học tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021 |
| 59. | | | 2.4.04 | | Đề cương thực tập sản xuất các nghề năm 2019, 2020, 2021 |
| 60. | | | 2.4.05 | | Quyết định cử nhà giao đi quản lý, hướng dẫn HSSV thực tập, học tại doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 61. | | | 2.4.06 | | Phiếu nhận xét HSSV thực tập tại doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 62. | | | 2.4.07 | | Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|---|
| 63. | | | 2.4.08 | | Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp nghề điện công nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 64. | 2 | 5 | 2.5.01 | | Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2017,2019 |
| 65. | | | 2.5.02 | | Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2019 |
| 66. | | | 2.5.03 | | Quy chế học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2021 |
| 67. | | | 2.5.04 | | Quy chế đào tạo thường xuyên năm 2017, 2019 |
| 68. | | | 2.5.05 | | Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2017, 2019, 2021 |
| 69. | | | 2.5.06 | | Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp năm 2017, 2019, 2021 |
| 70. | | | 2.5.07 | | Biên bản xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 71. | | | 2.5.08 | | Các quyết định thành lập HĐ thi, Ban coi thi, ban chấm thi năm 2019, 2020, 2021 |
| 72. | | | | 2.4.08 | Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp nghề điện công nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 73. | | | 2.5.09 | | Quyết định phê duyệt mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ năm 2019, 2021 |
| 74. | | | 2.5.10 | | Sổ cấp phát bằng trình độ CĐ, trung cấp, chứng chỉ sơ cấp năm 2019, 2020, 2021 |
| 75. | | | 2.5.11 | | Báo cáo xác nhận phôi văn bằng, chứng chỉ năm 2019, 2020, 2021 |
| 76. | | | 2.5.12 | | Biên bản bàn giao phôi bằng in hồng năm 2019, 2020, 2021 |
| 77. | | | 2.5.13 | | Phiếu nhập phôi bằng, chứng chỉ năm 2019, 2020, 2021 |
| 78. | | | 2.5.14 | | Phiếu xuất phôi bằng, chứng chỉ năm 2019, 2020, 2021 |
| 79. | | | 2.5.15 | | Các đề nghị xin lĩnh phôi bằng, chứng chỉ để in năm 2019, 2020, 2021 |
| 80. | | | 2.5.16 | | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện năm 2019 |
| 81. | | | 2.5.17 | | Phiếu đánh giá điểm rèn luyện năm 2019, 2020, 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 82. | | | 2.5.18 | | Biên bản đánh giá điểm rèn luyện năm 2019, 2020, 2021 |
| 83. | | | 2.5.19 | | Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 84. | | | | 2.2.07 | Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019, 2019 - 2020, 2020-2021 |
| 85. | | | | 2.2.08 | Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) của trường các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 86. | | | | 2.2.09 | Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 87. | 2 | 6 | | 2.2.07 | Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 88. | | | | 2.2.08 | Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) của trường các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 89. | | | | 2.2.09 | Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 90. | | | 2.6.01 | | Thông báo về việc thực hiện các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 91. | | | 2.6.02 | | Báo cáo việc thực hiện các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học của nghề điện công nghiệp 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 92. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 93. | 2 | 7 | 2.7.01 | | Giấy chứng nhận số 16a,b,c,d,đ,e/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|---|
| 94. | | | 2.7.02 | | Giấy chứng nhận số 05 và 05a/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN |
| 95. | | | 2.7.03 | | Quy chế đào tạo liên thông từ Trung cấp lên cao đẳng năm 2018, 2019, 2021 |
| 96. | | | 2.7.04 | | Báo cáo hoạt động đào tạo liên thông năm 2019, 2020, 2021 gửi Sở Lao động thương binh và xã hội |
| 97. | | | 2.7.05 | | Quyết định của Hiệu trưởng về việc thực hiện tuyển sinh đào tạo liên thông nghề điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2019,2020,2021 |
| 98. | | | 2.7.06 | | Các kế hoạch tuyển sinh, tờ bướm, thông báo tuyển sinh liên thông các năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021 |
| 99. | | | | 1.1.02 | Quyết định số758/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 100. | | | 2.7.07 | | Quyết định tiếp nhận học sinh các lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng Nghề điện công nghiệp kèm theo danh sách SV từ năm năm 2020, 2021 |
| 101. | | | 2.7.08 | | Hồ sơ sinh viên học liên thông năm 2020, 2021 |
| 102. | | | 2.7.09 | | Quyết định về việc ban hành các mô đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng các ngành) |
| 103. | | | | 2.5.11 | Sổ cấp phát bằng trình độ cao đẳng, trung cấp, chứng chỉ sơ cấp năm 2019, 2020, 2021 |
| 104. | | | 2.7.10 | | Báo cáo các khóa học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hình thức đào tạo chính quy đã tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 105. | | | | 2.2.07 | Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (nghề điện công nghiệp) năm học 2018-2019-2019,2020,2020-2021 |
| 106. | | | | 2.2.08 | Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (các lớp liên thông - |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|---|
| | | | | | ngành điện công nghiệp) của trường các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 107. | | | | 2.2.09 | Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của khoa điện - điện tử (ngành điện công nghiệp) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 108. | 3 | 1 | 3.1.01 | | Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp |
| 109. | | | 3.1.02 | | Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức |
| 110. | | | 3.1.03 | | Đánh giá chất lượng (có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo) các năm 2019, 2020, 2021); Thống kê chất lượng công chức, viên chức các năm 2019, 2020, 2021 |
| 111. | | | | 1.1.10 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 112. | 3 | 2 | 3.1.01 | | Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp |
| 113. | | | 3.1.02 | | Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức |
| 114. | | | 3.2.01 | | Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021 |
| 115. | | | | 1.2.03 | Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường CĐN Xây dựng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 116. | 3 | 3 | 3.1.01 | | Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|---|
| | | | | | tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp |
| 117. | | | 3.3.01 | | Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021 |
| 118. | | | 3.3.02 | | Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021 |
| 119. | | | 3.3.03 | | Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ. |
| 120. | | | | 2.1.11 | Quyết định mở lớp (có Danh sách HS kèm theo) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 121. | | | 3.3.04 | | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo học kỳ, năm học |
| 122. | | | 3.3.05 | | Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ. |
| 123. | | | 3.3.06 | | Biên bản thanh, kiểm tra đối với đội ngũ nhà giáo (bao gồm cả đối với giáo viên dạy chuyên ngành, nghề riêng) |
| 124. | | | 3.3.07 | | QĐ số 465b ngày 01/08/2018 về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của nhà giáo trường CĐN Xây dựng |
| 125. | 3 | 4 | | 3.1.01 | Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp |
| 126. | | | 3.4.01 | | Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm |
| 127. | | | 3.4.02 | | Hồ sơ thuyết minh đề tài NCKH (Kế hoạch NCKH; Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Quyết định phê duyệt thực hiện đề tài/nhiệm vụ KH cấp cơ sở; Báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện đề tài KH&CN cấp trường; Phiếu nhận xét thẩm định thuyết minh đề tài NCKH; Hồ sơ nghiệm thu đề tài NCKH; Quyết định công nhận và nghiệm thu Đề tài/Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở) các năm 2019, 2020, 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 128. | 3 | 5 | 3.5.01 | | Kế hoạch học tập bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021 của khoa |
| 129. | | | 3.5.02 | | Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021 |
| 130. | | | 3.5.03 | | Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận, hình ảnh các lớp học tập, bồi dưỡng, tập huấn từ năm 2019 – 2021 |
| 131. | | | 3.5.04 | | Báo cáo Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019, 2020, 2021 |
| 132. | | | | 1.1.10 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 133. | 3 | 6 | | 3.1.01 | Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp |
| 134. | | | 3.6.01 | | Quyết định kèm theo Danh sách nhà giáo cơ hữu về việc cử nhà giáo đi tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021 |
| 135. | | | 3.6.02 | | Hồ sơ về việc nhà giáo đi tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các Khoa Xây dựng, Điện - Điện tử, Cơ khí các năm 2019, 2020, 2021 (Biên bản thoả thuận với doanh nghiệp; Thông báo đăng ký thực hiện các nội dung tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nội dung tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Biên bản nghiệm thu công việc tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Thuyết minh báo cáo kết quả tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp) |
| 136. | | | 3.6.03 | | Báo cáo tổng kết quá trình thực tập tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|---|
| 137. | | | | 1.1.10 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 138. | 3 | 7 | | 3.1.01 | Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp |
| 139. | | | | 3.1.02 | Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức |
| 140. | | | | 1.2.02 | Báo cáo tổng kết năm học của khoa Điện - Điện tử năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 141. | 3 | 8 | | 3.1.01 | Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, nhân viên (họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học) tham gia giảng dạy ngành Điện Công nghiệp |
| 142. | | | | 3.2.01 | Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021 |
| 143. | | | | 3.2.02 | Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020, 2021 của trường. |
| 144. | | | 3.8.01 | | Biên bản hội nghị đánh giá, phân loại CB, viên chức quản lý năm 2019, 2020, 2021 |
| 145. | | | | 1.2.02 | Báo cáo tổng kết năm học của khoa Điện - Điện tử năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 146. | 4 | 1 | 4.1.01 | | Quyết định ban hành Quy định về quy trình xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình |
| 147. | | | 4.1.02 | | Kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2019, 2021 |
| 148. | | | 4.1.03 | | Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019, 2021 |
| 149. | | | 4.1.04 | | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019, 2021 |
| 150. | | | 4.1.05 | | Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 151. | | | 4.1.06 | | KH hội thảo + Biên bản lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến chuyên gia xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2019,2021 |
| 152. | | | 4.1.07 | | Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021 |
| 153. | | | 4.1.08 | | Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021 (lần 2) |
| 154. | | | 4.1.09 | | Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019, 2021 |
| 155. | | | | 1.1.02 | Quyết định số758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 156. | 4 | 2 | | 4.1.03 | Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2021 |
| 157. | | | | 4.1.04 | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019,2021 |
| 158. | | | | 4.1.05 | Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2021 |
| 159. | | | | 4.1.06 | KH hội thảo + Biên bản lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến chuyên gia xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2019, 2021 |
| 160. | | | | 4.1.07 | Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021 |
| 161. | | | | 4.1.08 | Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019,2021 (lần 2) |
| 162. | | | | 4.1.09 | Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019, 2021 |
| 163. | | | | 1.1.02 | Quyết định số758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 164. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|--|
| 165. | 4 | 3 | | 1.1.02 | Quyết định số758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 166. | | | | 4.1.09 | Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019, 2021 |
| 167. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 168. | 4 | 4 | | 1.1.02 | Quyết định số758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 169. | | | | 4.1.09 | Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019, 2021 |
| 170. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022 |
| 171. | 4 | 5 | | 1.1.02 | Bộ chương trình nghề Điện Công Nghiệp năm 2017, 2019, 2021 đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt |
| 172. | | | | 4.1.09 | Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019, 2021 |
| 173. | | | | 1.1.04 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp năm 2017, 2019,2021 |
| 174. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 175. | 4 | 6 | | 1.1.02 | Quyết định số758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|--|
| | | | | | ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 176. | | | | 4.1.09 | Quyết định ban hành CTĐT kèm Bộ CTĐT năm 2019, 2021 |
| 177. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 178. | 4 | 7 | | 1.1.03 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Kế hoạch của Công đoàn Xây dựng Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, 2021 - 2022, trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực đối với các nghề Trường đào tạo. |
| 179. | | | | 4.1.09 | Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề Điện CN năm 2019, 2021. |
| 180. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 181. | 4 | 9 | | 1.1.02 | Quyết định số 758b/QĐ-TCD ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CDN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 182. | | | | 4.1.09 | Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề Điện CN năm 2019, 2021 |
| 183. | | | 4.9.01 | | Danh sách thống kê giáo trình ngành điện CN trình độ CĐ |
| 184. | | | 4.9.02 | | Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học; |
| 185. | | | 4.9.03 | | Bản in các giáo trình các modul, môn học |
| 186. | 4 | 10 | 4.10.01 | | Kế hoạch xây dựng/lựa chọn GTĐT năm 2019,2021 |
| 187. | | | 4.10.02 | | Các quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2019,2021; |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 188. | | | 4.10.03 | | Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTĐT năm 2019,2021 |
| 189. | | | 4.10.04 | | Biên bản làm việc của Ban biên soạn GTĐT năm 2019,2021; |
| 190. | | | 4.10.05 | | KH hội thảo + Biên bản lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến chuyên gia biên soạn GTĐT năm 2019, 2021 |
| 191. | | | 4.10.06 | | Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021 |
| 192. | | | 4.10.07 | | Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021 (lần 2) |
| 193. | | | 4.10.08 | | Quyết định lựa chọn GTĐT các môn học, modul (nếu có) |
| 194. | | | | 4.9.01 | Danh sách thống kê giáo trình |
| 195. | | | | 4.9.02 | Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học năm 2019,2021 |
| 196. | | | | 4.9.03 | Bản in các giáo trình các modul, môn học |
| 197. | 4 | 11 | | 1.1.02 | Quyết định số758b/QĐ-TCĐ ngày 20/10/2017 của Hiệu trưởng Trường CĐN về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng năm học 2017 - 2018; Bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng |
| 198. | | | | 4.9.01 | Danh sách thống kê giáo trình |
| 199. | | | | 4.9.02 | Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học năm 2019,2021 |
| 200. | | | | 4.9.03 | Bản in các giáo trình các modul, môn học |
| 201. | | | | 4.10.06 | Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021 |
| 202. | | | | 4.10.07 | Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2019,2021 (lần 2) |
| 203. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|---|
| 204. | 4 | 12 | | 4.1.09 | Bộ chương trình nghề Điện Công Nghiệp năm 2019, 2021 đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt |
| 205. | | | | 1.1.04 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp năm 2019,2021 |
| 206. | | | | 4.9.01 | Danh sách thống kê giáo trình |
| 207. | | | | 4.9.02 | Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học; |
| 208. | | | | 4.9.03 | Bản in các giáo trình các modul, môn học |
| 209. | | | | 4.10.06 | Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2021 |
| 210. | | | | 4.10.07 | Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2021 (lần 2) |
| 211. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 212. | 5 | 1 | 5.1.01 | | Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường |
| 213. | | | 5.1.02 | | Bảng thống kê số lượng, diện tích các phòng học, phòng thực hành, phòng chuyên môn hóa |
| 214. | | | 5.1.03 | | Bản thiết kế các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành |
| 215. | | | | 2.1.11 | Các Quyết định mở lớp: các lớp Cao đẳng Điện CN năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 216. | | | 5.1.04 | | Tổng số SV cao đẳng Điện công nghiệp đã quy đổi năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 217. | | | 5.1.05 | | Hồ sơ thiết kế hệ thống điện của trường, Hồ sơ thiết kế hệ thống điện nước của khu nhà 4 tầng, Sơ đồ hệ thống cung cấp điện và Biên bản kiểm tra đánh giá mức độ vận hành an toàn hệ thống điện của cơ quan quản lý |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|---|
| 218. | | | 5.1.06 | | Hồ sơ thiết kế hệ thống cấp, thoát nước của nhà trường, của nhà 4 tầng |
| 219. | | | 5.1.07 | | Các hợp đồng cung cấp nước |
| 220. | | | 5.1.08 | | Hóa đơn thanh toán tiền nước |
| 221. | | | 5.1.09 | | Danh mục các thiết bị đào tạo của các phòng lý thuyết, phòng thực hành, phòng chuyên môn hóa và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo |
| 222. | | | | 1.2.02 | Báo cáo tổng kết năm học của khoa Điện - Điện tử năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 223. | | | | 1.2.03 | Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường CĐN Xây dựng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 224. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 225. | 5 | 2 | 5.2.01 | | Danh mục thiết bị nghề Điện công nghiệp theo từng xưởng |
| 226. | | | 5.2.02 | | Thẻ tài sản tại các xưởng thực hành năm 2019, 2020, 2021 |
| 227. | | | 5.2.03 | | Bảng so sánh đối chiếu danh mục thiết bị ĐT hiện có của nghề Điện công nghiệp với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu tại Phụ lục 2b, Thông tư 26/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 25/12/2019 của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng |
| 228. | | | 5.2.04 | | Biên bản kiểm kê tài sản cố định khoa Điện năm 2019, 2020, 2021 |
| 229. | | | 5.2.05 | | Báo cáo kiểm kê TSCĐ, CCDC năm 2019, 2020, 2021 |
| 230. | | | 5.2.06 | | Báo cáo theo dõi tài sản cố định của Phòng KTTC năm 2019, 2020, 2021 |
| 231. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|---|
| | | | | | học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 232. | 5 | 3 | | 5.2.01 | Danh mục thiết bị nghề Điện công nghiệp theo từng xưởng |
| 233. | | | | 5.2.02 | Thẻ tài sản tại các xưởng thực hành năm 2019, 2020, 2021 |
| 234. | | | | 5.2.03 | Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề Điện công nghiệp với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu tại Phụ lục 2b, Thông tư 26/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 25/12/2019 của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng |
| 235. | | | | 5.2.06 | Báo cáo theo dõi tài sản cố định của Phòng KTTC năm 2019, 2020, 2021 |
| 236. | | | 5.3.01 | | Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình CĐ Điện CN năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 237. | | | | 2.2.01 | Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu các lớp CĐ Điện CN năm học 2019-2020, 2020-2021,; 2021-2022 |
| 238. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 239. | 5 | 4 | 5.4.01 | | Sơ đồ , bản vẽ, ảnh chụp các phòng học |
| 240. | | | 5.4.02 | | Nội quy xưởng thực hành |
| 241. | | | 5.4.03 | | Báo cáo đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ năm 2019, 2020, 2021 |
| 242. | | | | 5.2.01 | Danh mục thiết bị nghề Điện công nghiệp theo từng xưởng |
| 243. | | | 5.4.04 | | Quy chế số/QĐ - TCD ngày 20 tháng 4 năm 2021 về quản lý, sử dụng, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ TSCĐ |
| 244. | | | 5.4.05 | | Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|---|
| 245. | | | 5.4.06 | | Hồ sơ thanh toán bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị hàng năm |
| 246. | | | 5.4.07 | | Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị hàng năm, năm 2019, 2020, 2021 |
| 247. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 248. | 5 | 5 | 5.5.01 | | QĐ số Số: /QĐ-TCD ngày 20/4/2021 ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, tổ chức quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư - dụng cụ tiêu hao trong thực hành, thực tập tại Trường Cao đẳng nghề Xây dựng |
| 249. | | | 5.5.02 | | Quy trình mua sắm, cấp phát vật tư |
| 250. | | | 5.5.03 | | Quy định về định mức tiêu hao vật tư đào tạo |
| 251. | | | 5.5.04 | | Hồ sơ mua sắm vật tư phục vụ giảng dạy nghề Điện công nghiệp |
| 252. | | | 5.5.05 | | Biên bản giao nhận vật tư hàng năm |
| 253. | | | 5.5.06 | | Sổ cấp phát vật tư nghề Điện công nghiệp năm học 2018 - 2019; 2019 - 2020, 2020-2021 |
| 254. | | | 5.5.07 | | Báo cáo thống kê tình hình quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo năm 2019, 2020, 2021 |
| 255. | | | 5.5.08 | | Báo cáo công tác thực hiện định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo năm 2019, 2020, 2021 |
| 256. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 257. | 5 | 6 | 5.6.01 | | Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được Trường phê duyệt |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|--|
| 258. | | | 5.6.02 | | Bản in chương trình, giáo trình đã được Trường phê duyệt |
| 259. | | | 5.6.03 | | Danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm: tên, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử |
| 260. | | | 5.6.04 | | Bản in sách, tạp chí, tài liệu tham khảo |
| 261. | | | 5.6.05 | | Thống kê số lượng người học lớn nhất của chương trình hàng năm |
| 262. | | | 5.6.06 | | Danh sách giáo trình đã được Trường phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện. |
| 263. | | | 5.6.07 | | Danh mục giáo trình của Trường được số hóa. |
| 264. | | | 5.6.08 | | Danh mục tài liệu tham khảo của Trường được số hóa. |
| 265. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 266. | 5 | 7 | 5.7.01 | | Danh mục thiết bị tại thư viện |
| 267. | | | 5.7.02 | | Sơ đồ mạng máy tính thư viện |
| 268. | | | 5.7.03 | | Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu |
| 269. | | | 5.7.04 | | Danh mục tài liệu điện tử |
| 270. | | | 5.7.05 | | Website của trường, Nội quy thư viện |
| 271. | | | 5.7.06 | | Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử |
| 272. | | | 5.7.07 | | Danh mục giáo trình của trường được số hóa |
| 273. | | | 5.7.08 | | Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa |
| 274. | | | 5.7.09 | | Thông báo giới thiệu sách mới năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|--|
| 275. | | | 5.7.10 | | Sổ theo dõi đọc và mượn tài liệu |
| 276. | | | 5.7.11 | | Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử |
| 277. | | | 5.7.12 | | Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử - Lưu trên thư viện |
| 278. | | | 5.7.13 | | Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 279. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 280. | 5 | 8 | 5.8.01 | | Giáo án của các giáo viên các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 281. | | | 5.8.02 | | Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 282. | | | 5.8.03 | | Hình ảnh các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học |
| 283. | 6 | 1 | 6.1.01 | | Các Kế hoạch của Hiệu trưởng về việc tập huấn chính trị hè cho đội ngũ nhà giáo và tổ chức tuần sinh hoạt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 |
| 284. | | | 6.1.02 | | Sổ tay học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 285. | | | | 2.5.05 | Quy chế đào tạo trình độ Sơ cấp, trung cấp, cao đẳng |
| 286. | | | 6.1.03 | | Quy chế công tác HSSV QĐ số 468a/QĐ-TCD ngày 01/08/2019 về ban hành Quy chế công tác HSSV; QĐ số 19/QĐ-TCD ngày 03/08/2021 về ban hành Quy chế công tác HSSV |
| 287. | | | 6.1.04 | | Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp |
| 288. | | | 6.1.05 | | Nội quy và quy định của trường |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 289. | | | 6.1.06 | | Thông báo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 290. | | | 6.1.07 | | Bài thu hoạch chương trình giáo dục đầu khóa của HSSV khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021 |
| 291. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 292. | 6 | 2 | | 6.1.07 | Thông báo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 293. | | | 6.2.01 | | Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ sinh viên hằng năm; Chi tiết quyết toán cấp bù học phí cho sinh viên theo nghị định 86/2015/NĐ-CP hằng năm |
| 294. | | | 6.2.02 | | Bảng thống kê Các chế độ thực hiện chính sách ưu đãi đối với HSSV trong nhà trường |
| 295. | | | 6.2.03 | | Quyết định HSSV hưởng chính sách nội trú năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 296. | | | 6.2.04 | | Danh sách SV đối tượng chính sách được miễn phí ở KTX; |
| 297. | | | 6.2.05 | | Sổ theo dõi xác nhận các chế độ chính sách HSSV năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 298. | | | | 6.1.04 | Quy chế công tác HSSV QĐ số 468a/QĐ-TCĐ ngày 01/08/2019 về ban hành Quy chế công tác HSSV; QĐ số 19/QĐ-TCĐ ngày 03/08/2021 về ban hành Quy chế công tác HSSV |
| 299. | | | 6.2.06 | | Quyết định khen thưởng HSSV đính kèm Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020.2021 |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| 300. | | | | 1.2.03 | Báo cáo tổng kết của Trường năm 2019, 2020, 2021 |
| 301. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 302. | 6 | 3 | 6.3.01 | | Kế hoạch tư vấn việc làm cho HS sau khi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 303. | | | 6.3.02 | | Thông báo tuyển dụng lao động năm 2019, 2020, 2021 |
| 304. | | | 6.3.03 | | Báo cáo thực hiện công tác tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 |
| 305. | | | 6.3.04 | | BB thỏa thuận hợp tác về việc liên kết đào tạo nghề giữa Nhà Trường với doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 306. | | | 6.3.05 | | Kế hoạch tổ chức hoặc phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm |
| 307. | | | 6.3.06 | | Danh sách các công ty tham gia hội trợ việc làm hàng năm |
| 308. | | | 6.3.07 | | Báo cáo kết quả tổ chức hoặc phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm hàng năm |
| 309. | | | 6.3.08 | | Danh sách sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường tư vấn việc làm gửi các DN |
| 310. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 311. | 6 | 4 | 6.4.01 | | Phối cảnh minh họa quy hoạch tổng thể trường |
| 312. | | | 6.4.02 | | Báo cáo thông tin khu thể thao, khu văn hóa văn nghệ và hoạt động thể thao văn hóa, văn nghệ của trường |
| 313. | | | 6.4.03 | | Ảnh chụp khu sân chơi, bãi tập, khuôn viên của nhà trường |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|--|
| 314. | | | 6.4.04 | | Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ hàng năm kèm theo video clip + Hình ảnh hội diễn văn nghệ 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 315. | | | 6.4.05 | | KH tổ chức thi đấu thể dục thể thao kèm theo cờ, cúp lưu niệm, giấy khen các loại |
| 316. | | | 6.4.06 | | Báo cáo tổng kết chương trình công tác đoàn và phong trào đoàn thanh niên năm học 2018 - 2019; 2019 - 2020, 2020-2021 |
| 317. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 318. | 7 | 1 | 7.1.01 | | Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, kèm theo danh sách người học đang làm việc tại Doanh nghiệp |
| 319. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 320. | 7 | 2 | | 2.4.08 | Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp nghề điện công nghiệp năm 2019,2020,2021 |
| 321. | | | 7.2.02 | | Danh sách người học tốt nghiệp ngành Điện CN trình độ CĐ được lấy ý kiến năm 2020, 2021 |
| 322. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 323. | 7 | 3 | 7.3.01 | | Danh sách nhà giáo ngành Điện CN, CBQL viên chức và người lao động năm 2019, 2020, 2021; |
| 324. | | | 7.3.02 | | Danh sách nhà giáo, CBQL viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------|----------|------------|---------------|---|--|
| | | | | | 2019, 2020, 2021 |
| 325. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 326. | 7 | 4 | 7.4.01 | | Danh sách người học ngành Điện CN trình độ CĐ năm 2019, 2020, 2021; |
| 327. | | | 7.4.02 | | Danh sách người học ngành Điện CN trình độ CĐ được lấy ý kiến năm 2019, 2020, 2021 |
| 328. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 329. | 7 | 5 | 7.5.01 | | Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của trường năm 2019, 2020, 2021 |
| 330. | | | 7.5.02 | | Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của trường năm 2019, 2020, 2021 |
| 331. | | | 7.5.03 | | Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng + Biên bản họp thông qua báo cáo TĐG năm 2019, 2020, 2021 |
| 332. | | | 7.5.04 | | Báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN trường năm 2019, 2020, 2021 |
| 333. | 7 | 6 | 7.6.01 | | Kế hoạch khắc phục các tiêu chuẩn không đạt trong các tiêu chí tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Điện CN năm 2019, 2020, 2021 |
| 334. | | | 7.6.02 | | Báo cáo thực hiện khắc phục các tiêu chuẩn không đạt năm 2019, 2020, 2021 |
| 335. | 7 | 7 | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi |

| STT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|------------|-----------------|-------------------|----------------------|--|--|
| | | | | | của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |
| 336. | | | | 2.4.08 | Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp nghề điện công nghiệp năm 2019, 2020, 2021 |
| 337. | | | 7.7.01 | | Danh sách người học tốt nghiệp ngành Điện CN sau 06 tháng được lấy ý kiến năm 2018, 2019, 2020, 2021 |
| 338. | 7 | 8 | | 7.1.01 | Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, kèm theo danh sách người học đang làm việc tại Doanh nghiệp |
| 339. | | | | 1.1.11 | Kế hoạch, Thông báo, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo nghề Điện CN-trình độ cao đẳng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021 |